ĐỀ KỲ 2

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II LỚP 6**

**\*MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II – BỘ SÁCH KÉT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện dân gian (truyền thuyết, cổ tích).. | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Thuyết minh thuật lại một sự kiện( một sinh hoạt văn hóa) | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**\*BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện dân gian (truyền thuyết, cổ tích).. | - Nhận biết được những dấu hiệu đặc trưng của thể loại truyện cổ tích; chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật.  - Nhận biết được người kể chuyện và ngôi kể.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu  - Hiểu được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ.  - Hiểu và lí giải được chủ đề của văn bản.  - Xác định được nghĩa thành ngữ thông dụng.  **Vận dụng**:  - Rút ra được bài học từ văn bản.  - Nhận xét, đánh giá được ý nghĩa, giá trị tư tưởng hoặc đặc sắc về nghệ thuật của văn bản. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Thuyết minh thuật lại một sự kiện( một sinh hoạt văn hóa). | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn thuyết minh về một một sự kiện( một sinh hoạt văn hóa) | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn Ngữ văn lớp 6**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**SỰ TÍCH HOA CÚC TRẮNG**

*Chuyện kể rằng ở một ngôi làng nọ có hai mẹ con nghèo sinh sống với nhau trong một ngôi nhà nhỏ. Người mẹ ngày ngày tần tảo làm việc để nuôi con, người con tuy còn nhỏ nhưng đã biết yêu thương, có hiếu với mẹ.*

*Cuộc sống của hai mẹ con cứ thế bình lặng trôi qua thì bỗng đến một ngày người mẹ chợt lâm bệnh nặng. Dù đã đi đến chữa trị ở rất nhiều thầy lang giỏi trong làng nhưng tình hình bệnh của người mẹ không hề đỡ chút nào, sức khỏe mỗi ngày một yếu đi.*

*Nhà nghèo không có tiền chữa trị, nhưng thương mẹ người con vẫn quyết tâm đi tìm thầy ở các nơi để chữa bệnh cho mẹ. Người con cứ đi từ làng này qua làng khác, vượt bao làng mạc, núi sống, vừa đói vừa rách nhưng không hề nản lòng. Rồi em đi qua một ngôi chùa, em đã xin phép trụ trì của ngôi chùa cầu phúc cho mẹ em mau chóng qua bệnh để hai mẹ con lại trở về cuộc sống như xưa. Lòng hiếu thảo của em đã động đến trời xanh, Đức Phật cũng phải động lòng trắc ẩn nên ngài đã biến thành một nhà sư và tặng cho em một bông hoa có năm cánh. Số cánh hoa tượng trưng cho số năm mà mẹ em sống thêm được.*

*Em nhìn bông hoa vừa vui sướng vì đã có phép màu cứu được mẹ nhưng cũng không khỏi lo lắng vì chỉ có năm cánh hoa, tức mẹ em chỉ còn sống được năm năm. Vì vậy sau một hồi suy nghĩ em đã xé nhỏ các cánh hoa cho tới khi không còn xé nhỏ được nữa, và cũng không còn đếm được bông hoa có bao nhiêu cánh hoa. Nhờ vậy mà người mẹ đã sống rất lâu bên đứa con ngoan hiếu thảo của mình.*

*Bông hoa có vô số cánh hoa biểu tượng cho sự sống, cho ước mơ trường tồn của con người, cho khát vọng chữa lành mọi bệnh tật, sau này người ta gọi đó là hoa Cúc. Sự tích hoa cúc trắng cũng từ đó mà ra.*

( Trích “ *Truyện cổ tích Việt Nam*”, NXB Mĩ thuật 2018).

**Lựa chọn đáp án đúng :**

**Câu 1**. Theo tác phẩm: *Lòng hiếu thảo của em đã động đến* ai?

A. Trời xanh. B. Nhà vua. C. Người dân. D. Thầy lang.

**Câu 2**. Câu chuyện trong tác phẩm được kể bằng lời của ai?

A. Lời của nhân vật người mẹ. B. Lời của người kể chuyện.

C. Lời của nhân vật người con. C. Lời của nhà sư.

**Câu 3. Nhân vật chính trong câu chuyện là ai?**

A**.** Em bé.

B. Người mẹ.

C. Đức Phật.

D. Nhà sư.

**Câu 4.** Câu văn ***"****Bông hoa có vô số cánh hoa biểu tượng cho sự sống, cho ước mơ trường tồn của con người, cho khát vọng chữa lành mọi bệnh tật, sau này người ta gọi đó là hoa Cúc***"** đã sử dụng biện pháp tu từ nào?

A**.** Nhân hóa.

B. So sánh.

C. Liệt kê.

D. Ẩn dụ.

**Câu 5**. Vì sao em bé quyết tâm đi tìm thầy lang để chữa bệnh cho mẹ?

A. Vì em bé thương mẹ và muốn mẹ khỏi bệnh.

B. Vì quyến luyến không muốn xa mẹ.

C. Vì muốn giúp đỡ mẹ.

D. Vì chưa thể sống tự lập.

**Câu 6**. Điều gì khiến Đức Phật cảm động khi nghe câu chuyện của em bé?

A. Số phận bất hạnh của người mẹ.

B. Trí tuệ hơn người của em bé.

C. Cảm thương tấm lòng hiếu thảo của em bé.

D. Tình cảnh đáng thương của em bé.

**Câu 7**. Nhận xét nào sau đây đúng với truyện *Sự tích hoa cúc trắng* ?

A. Giải thích các hiện tượng thiên nhiên.

B. Ca ngợi lòng hiếu thảo của em bé.

C. Thể hiện sự cảm thương cho số phận người phụ nữ.

D. Ca ngợi tình phụ tử.

**Câu 8**. Vì sao em bé lại xé nhỏ những cánh hoa cúc trắng ?

A. Vì muốn cho bông hoa đẹp hơn.

B. Vì bông hoa chỉ có năm cánh.

C. Vì muốn bông hoa có thật nhiều cánh .

D. Vì em muốn mẹ được sống lâu hơn.

**Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9**. Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc nhất sau khi đọc tác phẩm.

**Câu 10**. Em có nhận xét gì về sự hóa thân của Đức Phật thành bông hoa cúc trắng trong tác phẩm?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Viết được bài văn thuyết minh về một một sự kiện( một sinh hoạt văn hóa).

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  | **9** | - HS nêu được cụ thể bài học; ý nghĩa của bài học.  - Lí giải được lí do nêu bài học ấy. | 1,0 |
|  | **10** | - Nêu lí do dẫn đến sự hóa thân của Đức Phật thành bông hoa cúc trắng  - Đánh giá ý nghĩa, giá trị tư tưởng, nghệ thuật của chi tiết này. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn thuyết minh* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề:* thuyết minh về một một sự kiện( một sinh hoạt văn hóa). | 0,25 |
|  | *c.* Thuyết minh về một một sự kiện( một sinh hoạt văn hóa).  HS triển khai đảm bảo các nội dung sau:  \* Giới thiệu sự kiện (không gian, thời gian, địa điểm, mục đích tổ chức sự kiện)  \* Thuyết minh diễn biến sự kiện.  - Những nhân vật tham gia sự kiện.  - Các hoạt động chính trong sự kiện: đặc điểm, diễn biến của từng hoạt động.  - Hoạt động để lại ấn tượng sâu sắc nhất.  **\*** Nêu ý nghĩa của sự kiện và cảm nghĩ của người viết | 2,5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời thuyết minh sinh động, sáng tạo. | 0,5 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc** | Truyện cổ tích | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **20** | | **40** | | **30** | | **10** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện cổ tích | **Nhận biết:**  - Nhận biết được những dấu hiệu đặc trưng của thể loại truyện cổ tích; chi tiết tiêu biểu, nhân vật.  - Nhận biết được ngôi kể.  **Thông hiểu:**  - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.  - Hiểu được đặc điểm nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động.  - Xác định được biện pháp tu từ trong đoạn trích.  - Xác định được nghĩa của từ  - Cấu tạo của cụm từ  **Vận dụng**:  - Lựa chọn người kể chuyện  - Kể những việc làm thể hiện sự quan tâm, yêu thương, giúp đỡ người khác. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm | **Nhận biết:**  Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề)  **Thông hiểu:**  Viết đúng về nội dung, về hình thức (từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản)  **Vận dụng:**  - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu.  - Viết được bài văn bản trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề)mà em quan tâm  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng mà mình quan tâm nêu được vấn đề và suy nghĩ của người viết, đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ cho ý kiến của mình. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| **Tổng số** | | | | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| **Tỉ lệ %** | | | | **20** | **40** | **30** | **10** |
| **Tỉ lệ chung** | | | | | **60%** | | **40%** | |

**\* Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 6**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (6,0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi** :

*(1)Tự nhiên ở trên không, có một đàn chim sẻ đáp xuống sân nhặt thóc ra một đằng, gạo ra một nẻo. (2)Chúng nó lăng xăng ríu rít chỉ trong một lát đã làm xong, không suy suyển một hạt. (3)Nhưng khi chim sẻ đã bay đi rồi, Tấm lại nức nở khóc. (4)Bụt lại hỏi:*

*- (5)Con làm sao còn khóc nữa?*

*- (6)Con rách rưới quá, người ta không cho con vào xem hội.*

*- (7)Con hãy đào những cái lọ xương bống đã chôn ngày trước lên thì sẽ có đủ mọi thứ cho con trẩy hội.*

*(8)Tấm vâng lời, đi đào các lọ lên. (9)Đào lọ thứ nhất, lấy ra được một bộ áo mớ ba, một cái xống lụa, một cái yếm lụa điều và một cái khăn nhiễu. (10)Đào lọ thứ hai, lấy ra được một đôi giày thêu, đi vừa như in. (11)Lọ thứ ba đào lên thì thấy một con ngựa bé tí, nhưng vừa đặt con ngựa xuống đất, bỗng chốc nó đã hí vang lên và biến thành ngựa thật. (12)Đào đến lọ cuối cùng thì lấy ra được một bộ yên cương xinh xắn. (13)Tấm mừng quá vội tắm rửa rồi thay bộ vào, đoạn cưỡi lên ngựa mà đi. (14)Ngựa phóng một chốc đã đến kinh đô. (15)Nhưng khi phóng qua một chỗ lội, Tấm đánh rơi một chiếc giày xuống nước không kịp nhặt. (16)Khi ngựa dừng lại ở đám hội, Tấm lấy khăn gói chiếc giày còn lại rồi chen vào biển người.*

(Nguyễn Đồng Chi, Tấm Cám, trích Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam, tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2000, tr. 1170)

**Câu 1:** Đoạn trích trên viết theo thể loại nào?

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Truyện cổ tích. (Nhận biết) | B. Truyện đồng thoại. |
| C. Truyện truyền thuyết. | D.Truyện cười. |

**Câu 2:** Đoạn trích trên sử dụng ngôi kể nào?

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Ngôi thứ nhất | B. Ngôi thứ hai |
| C. Ngôi thứ ba (Nhận biết) | D. Cả ngôi thứ nhất với ngôi thứ 3 |

**Câu 3**: Nhân vật chính trong đoạn trích trên là ai?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Cám | B. Tấm (Nhận biết) |
| C. Ông Bụt | D. Dì ghẻ |

**Câu 4:** Nghĩa của từ “trẩy hội” là:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A. đi dự hội hằng năm, thường đi với đông người(Thông hiểu) | | B. đi chúc Tết, đi rất đông người |
| C.đi chơi xuân, đi nhiều người | D.đi ăn cỗ, thường đi dông người | |

Câu 5: Xác định biện pháp tu từ trong câu 10.

1. Nhân hóa B. Điệp ngữ

C.So sánh (Thông hiểu) D. Ẩn dụ

**Câu 6:** Đàn chim sẻ đã làm gì để giúp đỡ Tấm?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Nhờ Bụt hướng dẫn cách giúp Tấm | B. Nhặt riêng thóc, gạo (Thông hiểu) |
| C. Hát để Tấm vui | D.Động viên, an ủi Tấm |

**Câu 7:** Trong câu (1), “một đàn chim sẻ” là:

|  |  |
| --- | --- |
| A. cụm danh từ (Thông hiểu) | B. cụm động từ |
| C. cụm tính từ | D. vừa là cụm danh từ vừa là cụm động từ |

**Câu 8:**  Theo suy luận của em, chi tiết nào trong đoạn trích có vai trò quan trọng trong diễn biến tiếp theo của câu chuyện?

1. Vội tắm rửa rồi thay bộ vào, đoạn cưỡi lên ngựa mà đi

B. Đi đào các lọ lên

C.Ngựa phóng một chốc đã đến kinh đô

D. Một chiếc giày của Tấm bị rơi (Thông hiểu)

**Câu 9:**  Nếu chọn một trong hai nhân vật Tấm hoặc Bụt kể lại phần chuyện trong đoạn trích trên, em sẽ chọn nhân vật nào? Vì sao?

**Câu 10:** Hãy kể việc làm của em thể hiện sự yêu thương, quan tâm, giúp đỡ người khác?

**II. Tập làm văn: (4.0 điểm)**

Viết bài văn trình bày ý kiến của em về một vấn đề trong đời sống mà em quan tâm.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | **B** | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  | **9** | Trong đoạn trích, ông Bụt chỉ xuất hiện khi Tấm cần giúp đỡ, còn Tấm mới là người trong cuộc, biết hết mọi việc xảy ra với mình. Cho nên chọn nhân vật Tấm làm người kể chuyện thì hợp lí hơn. | 1,0 |
|  | **10** | HS có thể nêu nhiều việc làm khác nhau, ví dụ:  + Dọn dẹp nhà cửa, nấu cơm, trông em…  + Chăm sóc ông bà, cha mẹ,… khi ốm đau  + Quyên góp, ủng hộ người mù, tàn tật, neo đơn…  + Giúp đỡ bạn học kém hơn mình cùng nhau tiến bộ  +… | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a. Đảm bảo cấu trúc một bài văn nghị luận:* Mở bài giới thiệu vấn đề nghị luận. Thân bài làm rõ được nhận định, triển khai được các luận điểm. Kết bài khái quát được nội dung nghị luận. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:* Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống. Hiện tượng đời sống là những hiện tượng nổi bật, có ý nghĩa hoặc ảnh hưởng tới phần lớn mọi người trong xã hội. (có thể là hiện tượng tích cực hoặc tiêu cực) | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm, thể hiện sự nhận thức sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; có sự kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.* Có thể triển khai theo hướng sau:  - **Mở bài**: Giới thiệu được hiện tượng người viết quan tâm và thể hiện rõ ràng ý kiến của người viết về hiện tượng ấy.  - **Thân bài**: Lần lượt trình bày ý kiến của người viết theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài. Tùy vào ý kiến người viết đưa ra các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục để làm sáng tỏ lí lẽ.  - **Kết bài**: Khẳng định lại ý kiến, đưa ra những đề xuất, giải pháp… | 2,5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp:* Chữ viết cẩn thận, rõ ràng, bài văn trình bày sạch sẽ, không mắc lỗi chính tả, lỗi diễn đạt.. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận. | 0,5 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện đồng thoại, truyện ngắn | **4** | **0** | **4** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng (điểm)** | | | ***2.0*** | ***0.5*** | ***2.0*** | ***1.5*** | ***0*** | ***3.0*** | ***0*** | ***1.0*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **25%** | | **35%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | **1. Truyện đồng thoại** | **Nhận biết:**  **-** Nêu được ấn tượng chung về văn bản.  **-** Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật.  - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.  - Nhận ra được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề của văn bản.  - Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.  - Giải thích được nghĩa thành ngữ thông dụng, các biện pháp tu từ.  **Vận dụng**:  - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử từ văn bản gợi ra.  - Chỉ ra được điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản. | | 4 TN | 4TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | **Nhận biết:**  - Xác định được kiểu bài  - Xây dựng bố cục, sự việc chính  **Thông hiểu:**  - Giới thiệu được trải nghiệm  - Trình bày được các sự việc, diễn biến, địa điểm, thời gian, nhân vật, sự việc, hành động, ngôn ngữ  - Tập trung vào sự việc chính  - Sử dụng ngôi kể thứ nhất  **Vận dụng:**  - Trình bày được tác động của trải nghiệm đối với bản thân  - Sử dụng ngôn ngữ kể chuyện phù hợp  - Biết lựa chọn sự việc, chi tiết, sắp xếp diễn biến câu chuyện mạch lạc, logic  **Vận dụng cao:**  **-** Sáng tạo trong cách kể chuyện: vận dụng các biện pháp tu từ, kết hợp các phương thức biểu đạt,…  - Biết lựa chọn câu chuyện có ý nghĩa, mang thông điệp sâu sắc và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể. | | **1\*** | **1\*** | **1\*\*** | **1\*** |
| **Tổng** | | | |  | **4 TN 1\*** | **4TN 1\*** | **2 TL 1\*** | **1\*** |
| ***Tỉ lệ %*** | | | |  | ***25*** | ***35*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II - MÔN NGỮ VĂN 6**

**(Bộ Cánh diều)**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc kĩ đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**

*Mùa xuân đất trời đẹp. Dế Mèn thơ thẩn ở cửa hang, hai con Chim Én thấy tội nghiệp bèn rủ Dế Mèn dạo chơi trên trời. Mèn hốt hoảng. Nhưng sáng kiến của Chim Én rất giản dị: hai Chim Én ngậm hai đầu của một cọng cỏ khô. Mèn ngậm vào giữa. Thế là cả ba cùng bay lên. Mây nồng nàn, đất trời gợi cảm, cỏ hoa vui tươi.*

*Dế Mèn say sưa. Sau một hồi lâu miên man, Mèn ta chợt nghĩ bụng: Ơ hay, việc gì ta phải gánh hai con én này trên vai cho mệt nhỉ. Sao ta không quẳng gánh nợ này đi để dạo chơi một mình có sướng hơn không? Nghĩ là làm. Nó bèn há mồm ra. Và nó rơi vèo xuống đất như một chiếc lá lìa cành.*

*(Theo Đoàn Công Huy trong mục “Trò chuyện đầu tuần” của báo Hoa học trò)*

**Câu 1.** Đoạn trích trên được viết theo thể loại nào?

A. Truyện cổ tích

B. Truyện truyền thuyết

C. Truyện ngụ ngôn

D. Truyện đồng thoại

**Câu 2.** Trong câu: “*Mây nồng nàn, đất trời gợi cảm, cỏ hoa vui tươi.”, từ láy là từ nào sau đây?*

A. Nồng nàn

B. Cỏ hoa

C. Vui tươi

D. Đất trời

**Câu 3.** Đoạn trích trên sử dụng ngôi kể nào?

A. Ngôi thứ nhất

B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ ba

D. Cả ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

**Câu 4.** Nhân vật chính trong đoạn trích trên là ai?

A. Dế Mèn và cỏ hoa

B. Dế Mèn và hai con Chim Én

C. Dế Mèn và cọng cỏ khô

D. Hai con Chim Én và bầu trời

**Câu 5.** Hai con Chim Én đã có hành động, suy nghĩ gì khi thấy Dế Mèn thơ thẩn một mình?

A. Xuống chơi cùng Dế Mèn.

B. Rủ Dế Mèn dạo chơi trên trời bằng cách cho Mèn ngậm vào giữa cọng cỏ khô.

C. Bảo Dế Mèn ra chơi với cỏ hoa và chơi với các bạn hàng xóm.

D. Cho Dế Mèn lên lưng mình và chở Dế Mèn đi chơi ở trên không.

**Câu 6.** Trong đoạn trích trên, vì sao Dế Mèn lại bị rơi xuống đất?

A. Dế Mèn bị mỏi quá không theo được với Chim Én.

B. Dế Mèn không còn thích thú với cuộc chơi.

C. Dế Mèn giận dỗi với Chim Én.

D. Dế Mèn muốn đi chơi một mình cho sướng.

**Câu 7.**Câu “*Dế Mèn thơ thẩn ở cửa hang, hai con Chim Én thấy tội nghiệp bèn rủ Dế Mèn dạo chơi trên trời”, sử dụng biện pháp tu từ gì*?

A. So sánh

B. Nhân hóa

C. Ẩn dụ

D. Hoán dụ

**Câu 8.** Suy nghĩ của Dế Mèn: “*Sao ta không quẳng gánh nợ này đi để dạo chơi một mình có sướng hơn không?”,* thể hiện đặc điểm nào trong tính cách của nhân vật?

A. Ích kỉ

B. Toan tính

C. Vụ lợi

D. Cả A, B, C đều đúng.

**Câu 9**. **(1.0 điểm)** Trong đoạn trích trên, việc làm của hai con Chim Én đã thể hiện những phẩm chất tốt đẹp nào?

**Câu 10. (1.0 điểm)** Qua đoạn trích trên, em đã rút ra được những bài học bổ ích gì cho bản thân?

**II. VIẾT (4,0 điểm):**

Trong cuộc sống, chắc hẳn em đã từng có rất nhiều trải nghiệm thú vị để lại trong em nhiều ấn tượng khó quên. Hãy viết bài văn (khoảng 1 trang giấy) kể lại một trong những trải nghiệm đáng nhớ đó.

----Hết----

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN LỚP 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I**  **ĐỌC HIỂU** |  | | **6,0** |
| **1** | **D** | 0,5 |
| **2** | **A** | 0,5 |
| **3** | **C** | 0,5 |
| **4** | **B** | 0,5 |
| **5** | **B** | 0,5 |
| **6** | **D** | 0,5 |
| **7** | **B** | 0,5 |
| **8** | **D** | 0,5 |
| **9** | HS có thể nêu một vài phẩm chất sau: (chỉ cần nêu được hai phẩm chất)  - Hai con Chim Én có phẩm chất tốt bụng, tặng cho Dế Mèn có một chuyến du ngoạn đầy thú vị.  - Có lòng yêu thương đồng loại, thân thiện, hòa đồng, sẵn sàng giúp đỡ người khác… | 1,0 |
| **10** | HS có thể nêu được một số các bài học sau: (chỉ cần nêu được hai bài học)  - Bài học về lối sống ích kỉ, toan tính.  - Bài học về cách cho và nhận, về sự hợp tác và chia sẻ.  - Bài học về niềm tin trong cuộc sống. Con người cần tin tưởng lẫn nhau thì cuộc sống mới thoải mái và nhẹ nhàng.  …. | 1,0 |
|  |  | | |
| **II**  **VIẾT** | **1** | **Học sinh cần đảm bảo những yêu cầu sau:** |  |
| **Nhận biết:**  - Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự.  - Xác định đúng yêu cầu của đề: Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân. | 0.25  0.25 |
|  | **Thông hiểu:**  - Giới thiệu chung về trải nghiệm đáng nhớ.  - Trình bày được các diễn biến của sự việc theo trình tự hợp lí.  - Tập trung vào sự việc để lại ấn tượng sâu sắc cho bản thân hoặc giúp bản thân rút ra bài học đáng nhớ.  - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.  - Diễn đạt mạch lạc, logic. | 1.5 |
|  | **Vận dụng:**  - Trình bày được những ấn tượng của trải nghiệm đối với bản thân.  - Sử dụng ngôn ngữ kể chuyện phù hợp.  - Biết lựa chọn sự việc, chi tiết đặc sắc, sắp xếp diễn biến câu chuyện mạch lạc, logic. | 1.0 |
|  | **Vận dụng cao:**  **-** Sáng tạo trong cách kể chuyện: vận dụng các biện pháp tu từ, kết hợp các phương thức biểu đạt,…  - Biết lựa chọn câu chuyện có ý nghĩa, mang đến cho bản thân những bài học, ý nghĩa nhân văn và thể hiện cảm xúc của mình. | 1.0 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ | 5 | 0 | 3 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Ghi lại cảm xúc về một bài thơ. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***25*** | ***5*** | ***15*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ | **Nhận biết:**  - Nêu được ấn tượng chung về văn bản.  **-** Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của bài thơ.  - Nhận diện được các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.  - Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Nhận ra các biện pháp tu từ.  **Thông hiểu**:  - Nêu được chủ đề của bài thơ, cảm xúc chủ đạo của nhân vật trữ tình trong bài thơ.  - Nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.  - Chỉ ra tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.  **Vận dụng:**  - Trình bày được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử được gợi ra từ văn bản.  - Trình bày những tình cảm, cảm xúc được gợi ra từ văn bản. | 5 TN | 3TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Ghi lại cảm xúc về một bài thơ. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết bài văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **5 TN** | **3TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***30*** | ***30*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn Ngữ văn lớp 6**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

|  |  |
| --- | --- |
| **CON YÊU MẸ**  *- Con yêu mẹ bằng ông trời Rộng lắm không bao giờ hết*  *- Thế thì làm sao con biết Là trời ở những đâu đâu Trời rất rộng lại rất cao Mẹ mong, bao giờ con tới!*  *- Con yêu mẹ bằng Hà Nội Để nhớ mẹ con tìm đi Từ phố này đến phố kia Con sẽ gặp ngay được mẹ*  *- Hà Nội còn là rộng quá Các đường như nhện giăng tơ Nào những phố này phố kia Gặp mẹ làm sao gặp hết!*  *- Con yêu mẹ bằng trường học Suốt ngày con ở đấy thôi Lúc con học, lúc con chơi Là con cũng đều có mẹ* | *- Nhưng tối con về nhà ngủ Thế là con lại xa trường Còn mẹ ở lại một mình Thì mẹ nhớ con lắm đấy*  *Tính mẹ cứ là hay nhớ Lúc nào cũng muốn bên con Nếu có cái gì gần hơn Con yêu mẹ bằng cái đó*  *- À mẹ ơi có con dế Luôn trong bao diêm con đây Mở ra là con thấy ngay Con yêu mẹ bằng con dế*  (Xuân Quỳnh*, Lời ru trên mặt đất)* |

**Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 1**. **Văn bản “Con yêu mẹ” thuộc thể thơ nào?**

A. Lục bát. B. Tự do. C. Sáu chữ. D. Ngũ ngôn.

**Câu 2**. **Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong hai câu thơ?**

*“ Con yêu mẹ bằng Hà Nội  
Để nhớ mẹ con tìm đi”*

A. So sánh. B. Nhân hóa, so sánh.

C. Ẩn dụ, so sánh D. Ẩn dụ.

**Câu 3. Xác định các phương thức biểu đạt của văn bản trên.**

A. Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm.

B. Tự sự kết hợp miêu tả, nghị luận.

C. Biểu cảm kết hợp miêu tả, tự sự.

D. Biểu cảm kết hợp nghị luận.

**Câu 4**. **Tình yêu của đứa con dành cho mẹ được tác giả so sánh với hình ảnh nào?**

A**.** Ông trời, mặt trăng, con dế

B. Hà Nội, đường đi, ông mặt trời

C. Con dế, mặt trời, con đường đi

D. Ông trời, Hà Nội, Trường học, con dế.

**Câu 5. Văn bản là tình cảm của ai dành cho ai?**

A. Tình cảm của mẹ dành cho con.

B. Tình cảm của con dành cho mẹ.

C. Tình cảm của mẹ dành cho thiên nhiên.

D. Tình cảm của con dành cho trường học.

**Câu 6**. . Từ *“đường”* trong câu thơ: *“Các đường như nhện giăng tơ”* được dùng với nghĩa gốc. **(TH 2)**

1. Đúng B. Sai

**Câu 7. Chủ đề bài thơ là:**

A. tình mẫu tử.

B. hình ảnh ông trời và trường học.

C. hình ảnh mẹ và bố.

D. tình phụ tử.

**Câu 8**. **Câu thơ*:“****Con yêu mẹ bằng ông trời / Rộng lắm không bao giờ hết****”* gợi điều gì?(**

A. Ông trời bao la, rộng lớn

B. Hình dáng của mẹ

C. Thể hiện tình yêu rộng lớn, bao la của con dành cho mẹ

D. Sự lo lắng của mẹ dành cho con

**Câu 9**. Em hãy ghi lại những cảm nhận của em sau khi đọc văn bản “Con yêu mẹ”.

**Câu 10**. Đọc xong văn bản “Con yêu mẹ” của Xuân Quỳnh, em sẽ làm gì để thể hiện tình cảm của mình với cha mẹ?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Viết bài văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ mà em yêu thích.

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | D | 0,5 |
| **5** | B | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | C | 0,5 |
|  | **9** | - HS trình bày những cảm nhận riêng về văn bản. | 1,0 |
|  | **10** | - HS nêu được những cách ứng xử hợp lý ( Yêu quý, quan tâm, chăm sóc, hiếu thảo...) | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc một bài văn biểu cảm đã học.* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề bài*.  Viết bài văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ. | 0,25 |
|  | *c. Viết bài văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ.*  HS có thể trình bày bài văn theo nhiều cách khác nhau, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  + Dùng ngôi thứ nhất ghi lại cảm xúc về bài thơ.  + Nêu nhan đề, tên tác giả và cảm xúc khái quát về bài thơ.  + Trình bày cảm xúc về bài thơ theo một trình tự hợp lí.  + Dẫn chứng bằng một số từ ngữ, hình ảnh gợi cảm xúc trong bài thơ.  + Sử dụng từ ngữ để tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các câu.  + Khẳng định lại cảm xúc và ý nghĩa của bài thơ với bản thân | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo. | 0,5 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ | 5 | 0 | 3 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Ghi lại cảm xúc về một bài thơ. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***25*** | ***5*** | ***15*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ | **Nhận biết:**  - Nêu được ấn tượng chung về văn bản.  **-** Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của bài thơ.  - Nhận diện được các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.  - Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Nhận ra các biện pháp tu từ.  **Thông hiểu**:  - Nêu được chủ đề của bài thơ, cảm xúc chủ đạo của nhân vật trữ tình trong bài thơ.  - Nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.  - Chỉ ra tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.  **Vận dụng:**  - Trình bày được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử được gợi ra từ văn bản.  - Đánh giá được giá trị của thông tin trong văn bản. | 5 TN | 3TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Ghi lại cảm xúc về một bài thơ. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **5 TN** | **3TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***30*** | ***30*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn Ngữ văn lớp 6**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***BÉ CON CỦA MẸ***  *Này bé con của mẹ*  *Con có thấy gì không*  *Cái mặt biển mênh mông*  *Ôm những cây thuyền nhỏ.*  *Này bé con thấy đó*  *Cái mặt trời đằng xa*  *Đang toả nắng lan ra*  *Đỏ một màu rất đỏ.*  *Đường chỉ xanh bãi cỏ*  *Ôm san sát khoảng trời*  *Bé con của mẹ ơi*  *Con thấy không con nhỉ.*  *Biển xa con có thấy*  *Một màu xanh dịu êm*  *Sóng vỗ mãi ngày đêm*  *Như tình thương của mẹ.* | *Cái mặt trời nhỏ bé*  *Mà ấm áp lạ lùng*  *Như trái tim mẹ nóng*  *Ủ ấm những ngày đông.*  *Bé con có biết không*  *Mẹ ôm con thật rộng*  *Như một vùng rất mỏng*  *Cỏ mọc sát chân trời.*  *Con dù có ham chơi*  *Vẫn nằm trong lòng mẹ*  *Bé con ngoan lắm nhé*  *Mãi mãi mẹ thương con.*  (Tác giả: Đặng Ngọc Ngận*)* |

**Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 1**. **Văn bản “Bé con của mẹ” thuộc thể thơ nào? (NB2)**

A. Lục bát. B. Tự do. C. Năm chữ. D. Bảy chữ.

**Câu 2**. **Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong hai câu thơ: (NB5)**

*“Cái mặt biển mênh mông*

*Ôm những cây thuyền nhỏ.”*

A. Nhân hoá. B. So sánh.

C. Điệp ngữ. D. Ẩn dụ.

**Câu 3. Xác định các phương thức biểu đạt của văn bản trên. (NB3)**

A. Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm.

B. Tự sự kết hợp miêu tả, nghị luận.

C. Biểu cảm kết hợp miêu tả, tự sự.

D. Biểu cảm kết hợp nghị luận.

**Câu 4**. **Tình yêu của mẹ dành cho con được tác giả so sánh với những hình ảnh nào? (NB4)**

A**.** Thuyền, mùa đông.

B. Nắng, chân trời.

C. Cỏ, đường.

D. Biển, mặt trời.

**Câu 5. Văn bản thể hiện tình cảm của ai dành cho ai? (NB 4)**

A. Tình cảm của con dành cho mẹ.

B. Tình cảm của mẹ dành cho con.

C. Tình cảm của mẹ dành cho thiên nhiên.

D. Tình cảm của con dành cho trường học.

**Câu 6**. . **Từ *“mặt trời”* trong hai câu thơ:** *“Cái mặt trời đằng xa / Đang toả nắng lan ra”* **được dùng với nghĩa gốc**. **(TH 2)**

1. Đúng B. Sai

**Câu 7. Chủ đề bài thơ là: (TH1)**

A. Tình mẫu tử.

B. Hình ảnh mặt trời và sóng.

C. Hình ảnh mẹ và bố.

D. Tình phụ tử.

**Câu 8**. **Hai câu thơ*:“*** *Sóng vỗ mãi ngày đêm / Như tình thương của mẹ****”* gợi điều gì? (TH3)**

A. Biển trời bao la, rộng lớn.

B. Âm thanh của sóng biển.

C. Thể hiện tình yêu rộng lớn, bao la của mẹ dành cho con.

D. Sự lo lắng của mẹ dành cho con.

**Câu 9**. Em hãy ghi lại những cảm nhận của em sau khi đọc văn bản “Bé con của mẹ”. **(VD2)**

**Câu 10**. Đọc xong văn bản “Bé con của mẹ”, em sẽ làm gì để thể hiện tình cảm của mình với mẹ? (VD1)

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Viết đoạn văn (khoảng 300 chữ) ghi lại cảm xúc về một bài thơ.

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | D | 0,5 |
| **5** | B | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | C | 0,5 |
|  | **9** | - HS trình bày những cảm nhận riêng về văn bản. | 1,0 |
|  | **10** | - HS nêu được những cách ứng xử hợp lý ( Yêu quý, quan tâm, chăm sóc, hiếu thảo...) | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc một đoạn văn biểu cảm đã học.* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề bài*.  Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ. | 0,25 |
|  | *c. Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ.*  HS có thể trình bày đoạn văn theo nhiều cách khác nhau, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  + Dùng ngôi thứ nhất ghi lại cảm xúc về bài thơ.  + Nêu nhan đề, tên tác giả và cảm xúc khái quát về bài thơ.  + Trình bày cảm xúc về bài thơ theo một trình tự hợp lí.  + Dẫn chứng bằng một số từ ngữ, hình ảnh gợi cảm xúc trong bài thơ.  + Sử dụng từ ngữ để tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các câu.  + Khẳng định lại cảm xúc và ý nghĩa của bài thơ với bản thân | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo. | 0,5 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc** | Truyện ngắn | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **20** | | **40** | | **30** | | **10** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn | **Nhận biết:**  - Nhận biết được những dấu hiệu đặc trưng của thể loại truyện ngắn (C1).  - Nhận biết được ngôi kể (C2).  - Nhận ra từ láy (C8).  **Thông hiểu:**  - Nêu được chủ đề của văn bản (C6)  - Phân tích được tình cảm, thái độ của người kể chuyện thể hiện qua ngôn ngữ, giọng điệu (C4).  - Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật (C5).  - Hiểu và phân tích được tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể, được cách kể chuyện. (C3), (C7).  **Vận dụng**:  - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra. (C9), (C10). | 3 TN | | 5TN | 2TL | |  |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể. | 1\* | | 1\* | 1\* | | 1TL\* |
| **Tổng số** | | | | **3 TN** | | **5TN** | **2 TL** | | **1 TL** |
| **Tỉ lệ %** | | | | **20** | | **40** | **30** | | **10** |
| **Tỉ lệ chung** | | | | | **60%** | | | **40%** | | |

**\* Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 6**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (6,0 điểm)**

Đọc câu chuyện sau và trả lời các câu hỏi:

**NGƯỜI ĂN XIN**

*Một người ăn xin đã già. Đôi mắt ông đỏ hoe, nước mắt ông giàn giụa, đôi môi tái nhợt, áo quần tả tơi. Ông chìa tay xin tôi.*

*Tôi lục hết túi nọ đến túi kia, không có lấy một xu, không có cả khăn tay, chẳng có gì hết. Ông vẫn đợi tôi. Tôi chẳng biết làm thế nào. Bàn tay tôi run run nắm chặt lấy bàn tay run rẩy của ông:*

*- Xin ông đừng giận cháu! Cháu không có gì cho ông cả.*

*Ông nhìn tôi chăm chăm, đôi môi nở nụ cười:*

*- Cháu ơi, cảm ơn cháu! Như vậy là cháu đã cho lão rồi.*

*Khi ấy tôi chợt hiểu ra: cả tôi nữa, tôi cũng vừa nhận được một cái gì đó của ông.*

(Theo Tuốc- ghê- nhép)

**Câu 1:** Câu chuyện trên viết theo thể loại nào? **( 0,5 điểm)**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Truyện truyền thuyết | B. Truyện ngắn |
| C. Truyện cổ tích | D.Truyện cười. |

**Câu 2:** Câu chuyện trên sử dụng ngôi kể nào? **( 0,5 điểm)**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Ngôi thứ nhất | B. Ngôi thứ hai |
| C. Ngôi thứ ba | D. Ngôi thứ nhất với ngôi thứ ba |

**Câu 3:**  Nhận xét nào sau đây đúng khi nói đến tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể trong câu chuyện ? **( 0,5 điểm)**

A. Khách quanC. Sinh động

B. Chân thực D. Linh hoạt

**Câu 4:** Qua hành động của nhân vật tôi “*run run nắm chặt lấy bàn tay run rẩy của ông” thể hiện tình cảm gì của nhân vật tôi với ông lão ăn xin ?* **( 0,5 điểm)**

A. Quan tâm, đồng cảm. B. Cảm thông, chia sẻ.

C. Lo lắng, thương yêu. D. Đồng cảm, thương yêu.

**Câu 5:** Vì sao không nhận được gì từ nhân vật tôi nhưng ông lão ăn xin vẫn nở nụ cười ? **( 0,5 điểm)**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Vì nhận được lời cảm ơn. | B. Vì nhận được lời xin lỗi. |
| C. Vì nhận được sự tôn trọng. | D. Vì nhận được sự động viên. |

**Câu 6:** Chủ đề của văn bản nói lên điều gì ? **( 0,5 điểm)**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Lòng nhân ái, sự quan tâm, chia sẻ giữa con người với con người. | B. Lòng nhân ái, sự quan tâm, chia sẻ của nhân vật tôi. |
| C. Lòng nhân ái, sự quan tâm, chia sẻ của nhân vật ông lão ăn xin. | D. Lòng nhân ái, sự quan tâm, chia sẻ của những người đồng cảnh ngộ. |

**Câu 7:**  Theo suy luận của em, chi tiết nào có vai trò quan trọng trong diễn biến tiếp theo của câu chuyện ? **( 0,5 điểm)**

A. Xin ông đừng giận cháu !

B. Cháu không có gì cho ông cả.

C. Xin ông đừng giận cháu! Cháu không có gì cho ông cả.

D. Cháu ơi, cảm ơn cháu! Như vậy là cháu đã cho lão rồi.

**Câu 8:** Có bao nhiêu từ láy được sử dụng trong câu sau: **( 0,5 điểm)**

Đôi mắt ông đỏ hoe, nước mắt ông giàn giụa, đôi môi tái nhợt, áo quần tả tơi.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A. 1 | | B. 2 |
| C. 3 | D. 4 | |

**Câu 9:**  Theo em, tại sao ở cuối truyện người ăn xin lại nở nụ cười và nói: “*Cháu ơi, cảm ơn cháu! Như vậy là cháu đã cho lão rồi.”* **(1,0 điểm)**

**Câu 10:** Từ câu chuyện trên em rút ra được bài học gì cho bản thân ? **(1,0 điểm)**

**II. VIẾT: (4.0 điểm)**

Viết bài văn kể lại chuyến đi chơi đáng nhớ của em.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | **B** | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | C | 0,5 |
| **8** | C | 0,5 |
|  | **9** | - HS lý giải được lý do tại sao ông lão lại nở nụ cười và nói lời cảm ơn với nhân vật tôi. | 1,0 |
|  | **10** | HS nêu được bài học cho bản thân. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a. Đảm bảo cấu trúc một bài văn tự sự* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  *Kể về một* chuyến đi chơi đáng nhớ của em. | 0,25 |
|  | *c. Kể lại chuyến đi:*  HS có thể triển khai câu chuyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.  - Giới thiệu được chuyến đi đáng nhớ của em.  - Các sự kiện chính trong chuyến đi: bắt đầu – diễn biến – kết thúc.  - Cảm nhận trước, trong và sau chuyến đi. | 2,5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp:* Chữ viết cẩn thận, rõ ràng, bài văn trình bày sạch sẽ, không mắc lỗi chính tả, lỗi diễn đạt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về trải nghiệm được kể. | 0,5 |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **KIỂM TRA HỌC KÌ II** |
|  | **Môn: Ngữ văn – Lớp 6**  **Thời gian: 90 phút** |

**ĐẶC TẢ – MA TRẬN - ĐỀ - HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM**

**A. ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | |
|  |  |  |  | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn | **Nhận biết:**  **-** Nhận biết được thể loại và các yếu tố của thể loại.  - Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật.  - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba  - Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Nhận biết được trạng ngữ.  - Nhận biết được các loại dấu câu  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.  - Hiểu được ý nghĩa của các chi tiết, hình ảnh, sự việc … trong truyện.  - Nêu được đề tài, chủ đề của văn bản.  - Nêu được ý nghĩa, tác dụng của trạng ngữ.  - Nêu được công dụng của dấu câu  **Vận dụng**:  - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử từ văn bản gợi ra.  - So sánh được điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản. | 4TN  0.5\*TL | 2TN  1\*TL | 1.5\*TL |  |
| **2** | **Tạo lập văn bản** | Trình bày ý kiến vê một hiện tượng mà mình quan tâm | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  **Viết được bài văn:**  Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng mà mình quan tâm; nêu được vấn đề và suy nghĩ của người viết; đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ cho ý kiến của mình. | 0.5\* | 1\* | 1.5\* | 1\* |
| **Tổng** | | |  | **4TN**  **1\*TL** | **2TN**  **2\*TL** | **3\*TL** | **1\*TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | **30** | **30** | **30** | **10** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**B. MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng % điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn | 4 | 0.5\* | 2 | 1\* | 0 | 1.5\* | 0 | 0 | **6.0** |
| **2** | **Tạo lập văn bản** | Trình bày ý kiến về một hiện tượng | 0 | 0.5\* | 0 | 1\* | 0 | 1.5\* | 0 | 1\* | **4.0** |
| **Tổng** | | | ***2.0*** | ***1.0*** | ***1.0*** | ***2.0*** | ***0*** | ***3.0*** | ***0*** | ***1.0*** | **10.0** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

|  |
| --- |
| **KIỂM TRA HỌC KÌ II** |
| **Môn: Ngữ Văn – Lớp 6**  **Thời gian: 90 phút** |

**Phần I – Đọc hiểu (6 điểm):**

Đọc kĩ văn bản sau**:**

***Người bạn mới***

*Buổi học hôm nay có chuyện “hay” quá! Vừa về đến nhà Tú khoe ngay với mẹ:*

*- Mẹ ơi! Lớp con có một thằng…*

*Mẹ ngẩng lên:*

*- Sao lại thằng?*

*Tú vẫn hớn hở:*

*- Vâng! Một thằng mới vào học mẹ ạ! Buồn cười lắm!*

*Mẹ nhìn em:*

*- Buồn cười làm sao?*

*- Hí hí! Nó mặc áo con gái, mẹ ạ!*

*Mẹ hỏi:*

*- Áo con gái thế nào?*

*Tú vừa cười vừa kể rằng: Cái “thằng ấy” mới xin chuyển về, vào lớp 5C của con, nó mặc cái quần ngắn ơi là ngắn và cái áo sơ mi ở trong chiếc áo len thì lại cổ lá sen. Kiểu cổ áo của con gái. Thế có buồn cười không?*

*- Cái thằng ấy, mẹ ạ…*

*Mẹ lắc đầu:*

*- Sao con cứ gọi bạn là thằng thế nhỉ? Nói chuyện với mẹ, với bố, con không được gọi bạn là thằng nọ thằng kia. Bạn ấy tốt hay xấu mà con lại gọi thế?*

*Tú lúng túng:*

*- Con… con cũng chưa biết ạ!*

*- Không biết một tí gì hết?*

*Tú ngần ngừ, rồi thưa:*

*- Nó dát lắm mẹ ạ. Chúng con chế là mặc áo con gái, nó chỉ im lặng rồi đứng một mình thôi.*

*Nghe Tú nói, vẻ mặt mẹ vẫn không vui. Mẹ nhìn em có ý trách:*

*- Hết gọi bạn là thằng, rồi lại gọi là nó. Sao con không gọi hẳn tên bạn ra hoặc là: bạn ấy, bạn con được nhỉ? Tên bạn ấy là gì?*

*- Là Nam. Phó Văn Nam mẹ ạ. Buồn cười quá cơ!*

*- Thế thì đến mai, con hãy chơi với Nam và hỏi sao Nam lại mặc áo con gái nhé!*

*Cậu Nam ấy, hóa ra là một học sinh giỏi. Ngay bài toán tập đầu tiên làm ở lớp mới, không cần phải hỏi bạn ngồi bên cạnh, không xem bài của ai, cậu ấy đã được hẳn mười điểm. Mà chữ viết nữa chứ, rất đẹp.*

*Tú làm quen và biết được rằng nhà Nam nghèo thôi. Đến cái ti vi, bố mẹ cậu ấy cũng không có tiền để mua. Nam phải chuyển trường đi theo bố mẹ, vì mãi đến bây giờ cơ quan mới chia nhà cho. Trước đây là đi ở nhờ. Bố mẹ Nam có hai con. Chị Nam là con gái, áo quần mặc chật từ lúc bé, có cái nào mẹ lại mặc cho Nam. Mặc ở nhà và mặc ở trong cũng được. Mẹ Nam bảo Nam là: Bộ mặc ở ngoài thì cần phải đúng là của con trai. Lớn hơn nữa, thì thôi. Giờ còn bé thì mặc tạm. Mẹ sẽ dành tiền may cho Nam. Thương mẹ vất vả, nên Nam đã vâng lời. Tú nghe bạn kể mà thương bạn. Mặc áo thừa của chị, mà vẫn học giỏi, lại biết thương mẹ, chứ không đua đòi, thấy ai có cái gì cũng muốn có theo.*

*Ngay hôm đó, về nhà Tú khoe:*

*- Mẹ ơi! Bạn Nam ấy, hay lắm mẹ ạ!*

*Mẹ hỏi:*

*- Hay làm sao?*

*- Bạn ấy là học sinh giỏi và … ngoan, mẹ ạ!*

*Mẹ nhìn em. Ánh mắt mẹ cười vui…*

(Phong Thu - *Những truyện hay viết cho thiếu nhi*, NXB Kim Đồng)

**Câu 1 (3 điểm).** Trả lời câu hỏi bằng cách ghi lại đáp án đúng vào giấy kiểm tra.

***a. Văn bản “Người bạn mới” thuộc thể loại truyện gì?***

A. Truyện đồng thoại

B. Truyện ngắn

C. Truyện truyền thuyết

D. Truyện cổ tích

***b. Văn bản “Người bạn mới” viết về đề tài gì?***

A. Thiên nhiên

B. Thời tiết

C. Gia đình

D. Bạn bè

***c. Trong văn bản, câu nào sau đây là lời nhân vật?***

A. Bạn ấy là học sinh giỏi và … ngoan, mẹ ạ!

B. Tú làm quen và biết được rằng nhà Nam nghèo thôi.

C. Tú nghe bạn kể mà thương bạn.

D. Ánh mắt mẹ cười vui…

***d. Trong văn bản “Người bạn mới”, người kể chuyện là ai?***

A. Người kể xưng “tôi” và là nhân vật trong truyện

B. Người kể xưng “chúng tôi” và là nhân vật trong truyện

C. Người kể không tham gia vào câu chuyện

D. Người kể mang tên một nhân vật trong câu chuyện

***e. Văn bản “Người bạn mới” chủ yếu khắc họa nhân vật Tú ở phương diện nào?***

A. Hình dáng

B. Tâm trạng

C. Hành động

D. Ngôn ngữ

***f. Câu nào sau đây có trạng ngữ?***

A. Cậu Nam ấy, hóa ra là một học sinh giỏi.

B. Thế thì đến mai, con hãy chơi với Nam và hỏi sao Nam lại mặc áo con gái nhé!

C. Chúng con chế là mặc áo con gái, nó chỉ im lặng rồi đứng một mình thôi.

D. Mẹ nhìn em.

**Câu 2 (2 điểm).**

Viết khoảng 5 câu văn **t**rình bày cảm nhận của em về nhân vật Tú trong văn bản *“Người bạn mới”*.

**Câu 3 (1 điểm).**

Trong cuộc sống, khi bị bạn bè hiểu lầm, em sẽ ứng xử như thế?

**Phần II – Tạo lập văn bản (4 điểm)**

Giao tiếp có vai trò đặc biệt quan trọng trong cuộc sống của mỗi người, nhất là tuổi học trò. Tuy nhiên bên cạnh những biểu hiện đẹp thì vẫn còn có những biểu hiện chưa đẹp.

Hãy viết một bài văn khoảng 1 trang giấy trình bày suy nghĩ của em về tác hại của cách giao tiếp chưa đẹp, từ đó khuyên bạn bè giao tiếp sao cho phù hợp, xứng đáng là học sinh Thủ đô văn minh thanh lịch.

*----------------------------- Hết ---------------------------*

**D. HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM**  **KIỂM TRA HỌC KÌ II** |
|  | **Môn: Ngữ Văn – Lớp 6** |

**Phần I – Đọc hiểu (6 điểm):**

***Câu 1 (3 điểm).*** Mỗi đáp án đúng: 0.5 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Câu* | **a** | **b** | **C** | **d** | **e** | **f** |
| *Đáp án* | B | D | A | C | D | B |

***Câu 2 (2 điểm).***

- Hình thức: đảm bảo dung lượng (5 câu, +/- 1 câu) *0.5 điểm*

*(quá ngắn hoặc quá dái: -0.25đ)*

- Nội dung: *1.5 điểm*

Học sinh nêu được những suy nghĩ chân thực, cảm xúc phù hợp và có cách đánh giá đúng đắn về lời nói, hành vi, thái độ của nhân vật Tú.

*# Giáo viên tôn trọng ý kiến riêng của học sinh và khuyến khích sự snags tạo mang tính tích cực.*

*# Diễn đạt lủng củng, mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp: trừ không quá 0.5 điểm.*

***Câu 3 (1 điểm).***

Học sinh nêu được ít nhất 2 biểu hiện cụ thể về cách ứng xử, phù hợp với hoàn cảnh, tâm lí lứa tuổi, văn hóa giao tiếp.

**Phần II – Tạo lập văn bản (4 điểm).**

Học sinh viết bài văn nghị luận xã hội theo đúng yêu cầu

***Mở bài (0.5 đ)***

- Dẫn được vấn đề nghị luận: Giao tiếp với bạn bè.

***Thân bài (3 đ)***

1. Giải thích vấn đề - Biểu hiện – tác hại:

- Giao tiếp chưa đẹp là như thế nào?

- Biểu hiện: xưng hô tùy tiện, nói lời cục cằn, thô lỗ, tục tĩu…

- Tác hại: + Với bản thân

+ Với tập thể

2. Bàn luận vấn đề:

- Nguyên nhân:+ Chủ quan

+ Khách quan

- Giải pháp:

+ Rèn luyện, nâng cao ý thức

+ Học cách nói lời hay, làm việc tốt

+ Xây dựng môi trường học tập vui tươi, thân thiện …

***Kết bài (0.5 đ)***

- Khẳng định tầm quan trọng của giao tiếp trong cuộc sống.

***# Lưu ý***

*- Không tách bố cục 3 phần: -0.5đ*

*- Không tách các luận điểm chính: -0.25đ*

*- Mắc lỗi diễn đạt( câu, lỗi chính tả…): trừ tối đa 0.5đ*

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| 1 | **Đọc hiểu** | Văn bản nghị luận | 4 | 0 | 4 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | **60** |
| 2 | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***20*** | ***5*** | ***20*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | ***100***  **100**  **100%** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **25** | | **35** | | **30** | | **10** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1.** | **Đọc hiểu** | Văn bản nghị luận | **Nhận biết:**  - Nhận biết được kiểu văn bản và đặc điểm nổi bật của của văn bản nghị luận.  - Nhận ra từ đa nghĩa, từ đồng âm.  **Thông hiểu:**  - Hiểu nghĩa của từ Hán Việt.  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ, bằng chứng để xác định được chủ đề của đoạn văn.  - Hiểu được nội dung của một đoạn cụ thể.  - Xác định được các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ) trong đoạn văn.  **Vận dụng:**  - Thể hiện được sự đồng tình, không đồng tình hoặc đồng tình một phần với những vấn đề được đặt ra trong đoạn văn.  - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử từ nội dung đoạn văn. | | 4 TN | 4 TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; sử dụng ngôi kể thứ nhất để chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể. | |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | | |  | **4 TN** | **4TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| **Tỉ lệ %** | | | |  | **20%** | **20%** | **20%** | **40%** |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | | |  | **60%** | | | **40%** |

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**Môn Ngữ văn lớp 6**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

[1] Thực ra, hoàn cảnh là một bức tranh không màu, nó đen tối hay tươi sáng là do chính bạn lựa chọn màu vẽ. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, chúng ta luôn có nhiều hơn một sự lựa chọn!

[2] Cuộc sống có thể cho bạn muối mặn, nhưng lựa chọn bỏ ngay vào miệng để nhận lấy sự đắng chát hay bỏ vào chén canh nhạt để có món canh thơm ngon là do bạn. Con người có thể cho bạn sự trọng vọng hay khinh rẻ, bạn có thể lựa chọn đón nhận hay phớt lờ. Số phận ban cho cỏ dại sự chà đạp, xa lánh của con người, tuy nhiên, số phận cũng để cho cỏ dại lựa chọn nở hoa hay héo úa. Và bạn đã biết, cỏ dại lựa chọn điều gì. Rõ ràng, bạn luôn có quyền lựa chọn thái độ sống cho mình, chỉ là đôi khi, bạn lười biếng lựa chọn và để cho số phận kéo đi.

(*Đến cỏ dại còn đàng hoàng mà sống…,* Phạm Sỹ Thanh, NXB Thế giới, 2019, Tr.46-47)

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên. (NB-1)

|  |  |
| --- | --- |
| A. Tự sự | C. Nghị luận |
| B. Miêu tả | D. Biểu cảm |

**Câu 2.** Văn bản trên có đặc điểm nào nổi bật nhất về kiểu văn bản**? (NB-2)**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Có hình ảnh sinh động | C. Có từ ngữ giàu cảm xúc |
| B. Có lí lẽ thuyết phục | D. Có nhân vật cụ thể. |

**Câu 3.** Từ “**kéo**” trong câu **“**Rõ ràng, bạn luôn có quyền lựa chọn thái độ sống cho mình, chỉ là đôi khi, bạn lười biếng lựa chọn và để cho số phận **kéo** đi” đồng âm với từ “kéo” nào trong các trường hợp sau?  **(NB-3)**

A. Học sinh đang chơi kéo co ngoài sân.

B. Cái kéo mẹ em mới mua sắc quá.

C. Ngoài đồng chú trâu đang kéo cày.

D. Mọi người kéo nhau đi xem phim.

**Câu 4.** Từ “miệng” là loại từ gì trong hai ví dụ sau: (NB-4)

- Cuộc sống có thể cho bạn muối mặn, nhưng lựa chọn bỏ ngay vào ***miệng*** để nhận lấy sự đắng chát hay bỏ vào chén canh nhạt để có món canh thơm ngon là do bạn.

- ***Miệng*** chai này bé xíu.

|  |  |
| --- | --- |
| A. Từ đồng âm | C. Từ đồng nghĩa |
| B. Từ trái nghĩa | D. Từ đa nghĩa |

**Câu 5**. Từ “trọng vọng” trong đoạn trích có nghĩa là gì? (TH-5)

|  |  |
| --- | --- |
| A. Tôn trọng | C. Qúy mến |
| B. Khinh rẻ | D. Yêu thương. |

**Câu 6.** Xác định chủ đề của đoạn trích (TH-6)

|  |  |
| --- | --- |
| A. Quyền được vui chơi giải trí của con người. | C. Quyền được lựa chọn thái độ sống của mỗi người. |
| B. Quyền được yêu thương, chăm sóc của con người. | D. Quyền được bảo vệ thân thể, nhân phẩm của con người. |

**Câu 7.** Nội dung của đoạn “Thực ra, hoàn cảnh là một bức tranh không màu, nó đen tối hay tươi sáng là do chính bạn lựa chọn màu vẽ. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, chúng ta luôn có nhiều hơn một sự lựa chọn!” là: (TH-7)

|  |
| --- |
| A. Cuộc sống của mỗi người luôn phụ thuộc vào người khác. |
| B. Mỗi người có quyền lựa chọn cuộc sống có ý nghĩa cho mình.  C. Cuộc sống của mỗi người cần có sự giúp đỡ vô điều kiện.  D. Cuộc sống của mỗi người là do số phận quyết định tất cả. |

**Câu 8.** Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong câu sau: “Cuộc sống có thể cho bạn muối mặn, nhưng lựa chọn bỏ ngay vào miệng để nhận lấy sự đắng chát hay bỏ vào chén canh nhạt để có món canh thơm ngon là do bạn.” (TH- 8)

|  |  |
| --- | --- |
| A. Ẩn dụ | C. Nhân hóa |
| B. Hoán dụ | D. So sánh. |

**Câu 9.** Em có đồng ý với ý kiến “Trong bất cứ hoàn cảnh nào, chúng ta luôn có nhiều hơn một sự lựa chọn!” không? Vì sao? (VD-9)

**Câu 10.** Em rút ra bài học gì cho bản thân từ phần trích trên? (VD-10)

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

Viết bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | D | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
|  | **9** | Học sinh nêu được quan điểm riêng của bản thân: đồng ý/không đồng ý.  - Học sinh lí giải phù hợp  \* Đồng ý:  + Trong cuộc đời, có nhiều hoàn cảnh sống khác nhau, có người suy nghĩ tích cực, sống tốt thì cuộc sống trở nên tươi sáng.  \*Không đồng ý:  + Họ bắt buộc phải sống theo hoàn cảnh và số phận đó, họ không có sự lựa chọn nào khác. | 0,25  0,75 |
|  | **10** | Học sinh nêu được cụ thể bài học rút ra từ văn bản:  + Có thái độ sống tích cực, lạc quan.  + Cần có ý thức vươn lên trong cuộc sống, làm cho cuộc sống có ý nghĩa hơn… | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân. | 0,25 |
|  | *c. Kể lại trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.*  HS kể lại trải nghiệm đáng nhớ của bản thân theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.  - Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ của bản thân  - Trình bày chi tiết về thời gian, không gian, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện.  - Trình bày chi tiết những nhân vật liên quan.  - Trình bày các sự việc theo trình tự hợp lý, rõ ràng.  - Kết hợp kể và miêu tả, biểu cảm.  - Ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân | 3,0 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo, bài viết lôi cuốn, hấp dẫn. | 0,25 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II**

**MÔN NGỮ VĂN-LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| 1 | Đọc hiểu | Truyện ngắn | 3 | 0 | 5 | 0 |  | 2 | 0 |  | 60 |
| 2 | Viết | Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | 15 | 5 | 25 | 15 | 0 | 30 | 0 | 10 | 100 |
| **Tỉ lệ %** | | | 20 % | | 40 % | | 30 % | | 10 % | |
| **Tỉ lệ chung** | | | 60 % | | | | 40 % | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 -THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| 1 | Đọc hiểu | Truyện ngắn | **Nhận biết:**  - Nhận biết phương thức biểu đạt, ngôi kể.  - Nhận biết từ theo cấu tạo.  **Thông hiểu:**  - Hiểu nội dung đoạn trích.  - Hiểu được tâm trạng nhân vật.  - Hiểu được tình cảm, thái độ của nhân vật.  **Vận dụng:**  - Trình bày được tâm trạng nhân vật.  - Liên hệ, rút ra bài học. | 3 TN | 5 TN | 2 TL |  |
|  |
|  |
|  |
|  |
| 2 | Viết | Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân, người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ, có lối kể sáng tạo, hấp dẫn lôi cuốn; kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm để làm nổi bật ý nghĩa của câu chuyện. Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng. | 1\* | 1\* | 1\* | 1 TL\* |
| **Tổng** | |  | | 3 TN | 5 TN | 2 TL | 1 TL\* |
| **Tỉ lệ %** | |  | | 20 % | 40 % | 30 % | 10 % |
| **Tỉ lệ chung** | |  | | 60 % | | 40 % | |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II**  **MÔN: NGỮ VĂN – LỚP 6** |

Thời gian làm bài: 90 phút *(Không kể thời gian giao đề)*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau:**

“Sáng nay dậy sớm, tôi khẽ mở cửa rón rén đi ra vườn, ngồi xuống gốc cây hồng xiêm. Chợt thấy động phía sau, tôi quay lại: em tôi đã theo ra từ lúc nào. Em lặng lẽ đặt tay lên vai tôi. Tôi kéo em ngồi xuống và khẽ vuốt lên mái tóc.

Chúng tôi cứ ngồi im như vậy. Đằng đông trời hửng dần. Những bông hoa thược dược đã thoáng hiện trong màn sương sớm và bắt đầu khoe bộ cánh rực rỡ của mình. Lũ chim sâu nhảy nhót trên cành và chiêm chiếp kêu. Ngoài đường, tiếng xe máy, tiếng ô tô và tiếng nói chuyện của những người đi chợ mỗi lúc một ríu ran. Cảnh vật vẫn cứ như hôm qua, hôm kia thôi mà sao tai họa giáng xuống đầu anh em tôi nặng nề thế này.

Gia đình tôi khá giả. Anh em tôi rất thương nhau. Phải nói em tôi rất ngoan. Nó lại khéo tay nữa. Hồi còn học lớp Năm, có lần tôi đi đá bóng, bị xoạc một miếng áo rất to. Sợ mẹ đánh, tôi cứ ngồi lì ngoài bãi không dám về. Nghe lũ bạn tôi mách, em đã đem kim chỉ ra tận sân vận động. Nó bảo:

- Anh cởi áo ra, em vá lại cho. Em vá khéo, mẹ không biết được đâu.

Nhìn bàn tay mảnh mai của em dịu dàng đưa mũi kim thoăn thoắt, không hiểu sao tôi thấy ân hận quá. Lâu nay, mải vui chơi bè bạn, chẳng lúc nào tôi chú ý đến em... Từ đấy, chiều nào tôi cũng đi đón em. Chúng tôi nắm tay nhau vừa đi vừa trò chuyện. Vậy mà giờ đây, anh em tôi sắp phải xa nhau. Có thể sẽ xa nhau mãi mãi. Lạy trời đây chỉ là một giấc mơ. Một giấc mơ thôi.

(...) Tôi dắt em ra khỏi lớp. Nhiều thầy cô ngừng giảng bài, ái ngại nhìn theo chúng tôi. Ra khỏi trường, tôi kinh ngạc thấy mọi người vẫn đi lại bình thường và nắng vẫn vàng ươm bao trùm lên cảnh vật”.

*(Cuộc chia tay của những con búp bê* - Khánh Hoài, Ngữ văn 7, Tập một, NXB Giáo dục, 2016*)*

**Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 1.** Đoạn trích trên viết theo phương thức biểu đạt chính nào?

A. Tự sự B. Miêu tả

C. Biểu cảm D. Nghị luận

Câu 2. Đoạn trích trên được kể theo ngôi thứ nhất, đúng hay sai?

A. Đúng B. Sai

**Câu 3.** Cặp từ láy có trong các câu văn sau: *Những bông hoa thược dược đã thoáng hiện trong màn sương sớm và bắt đầu khoe bộ cánh rực rỡ của mình. Lũ chim sâu nhảy nhót trên cành và chiêm chiếp kêu* là:

A. thược dược, nhảy nhót B. sương sớm, chiêm chiếp

C. rực rỡ, chiêm chiếp D. thược dược, rực rỡ

**Câu 4.** Nội dung chính của đoạn trích là:

A. tình cảm yêu thương gắn bó của hai anh em.

B. cuộc nói chuyện giữa hai anh em

C. tâm trạng hối hận của anh trai khi hờ hững với người em.

D. tình cảm yêu thương gắn bó, không muốn xa cách của hai anh em.

**Câu 5.** Vì sao trong đoạn trích trên người anh lại có thái độ ân hận?

A. Vì người anh thấy cảm động và nghĩ lâu nay mình mải vui chơi với bạn bè mà chẳng lúc nào chú ý đến em.

B. Vì người anh đã luôn có cảm giác ganh ghét, đố kị với em gái của mình.

C. Vì người anh ham chơi đá bóng với bạn trên sân vận động.

D. Vì người anh nhận thấy em gái buồn khi chuẩn bị chia tay lớp học.

**Câu 6.** Đoạn trích trên gợi cho em nhớ đến văn bản nào viết về tình cảm anh em trong chương trình Ngữ văn 6?

A. Bài học đường đời đầu tiên. B. Đồng Tháp Mười mùa nước nổi.

C. Điều không tính trước. D. Bức tranh của em gái tôi.

**Câu 7.** Đoạn trích đã khắc họa rất thành công nội tâm nhân vật người anh, đúng hay sai?

A. Đúng. B. Sai.

**Câu 8.** Nhân vật “người em” trong đoạn trích trên là người như thế nào?

A. Là đứa trẻ cá tính, thích gây trò quậy phá.

B. Luôn quan tâm, chăm sóc và thương yêu anh trai.

C. Là đứa trẻ nhút nhát, ít nói.

D. Là đứa trẻ ganh ghét, đố kị với anh trai.

**Câu 9.** Tại sao khi dắt em ra khỏi trường, tâm trạng người anh lại *“kinh ngạc khi thấy mọi người vẫn đi lại bình thường và nắng vẫn vàng ươm bao trùm lên cảnh vật”?*

**Câu 10.** Qua đoạn trích trên, tác giả muốn gửi đến chúng ta bài học gì? (trả lời bằng cách viết đoạn văn khoảng 3 đến 4 câu)

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

- Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ(một buổi lao động dọn vệ sinh ở trường học mà em có tham gia).

................................HẾT.........................

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II**

**MÔN: NGỮ VĂN – LỚP 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | 1 | A | 0,5 |
|  | 2 | A | 0,5 |
|  | 3 | C | 0,5 |
|  | 4 | D | 0,5 |
|  | 5 | A | 0,5 |
|  | 6 | D | 0,5 |
|  | 7 | A | 0,5 |
|  | 8 | B | 0,5 |
|  | 9 | -Vì cuộc sống vẫn diễn ra bình thường như mọi ngày, chỉ có tâm trạng của người anh chìm trong đau khổ khi phải đối diện với cảnh bố mẹ chia tay nhau. | 0,5 |
|  | 10 | - HS trình bày bằng một đoạn văn (khoảng 3 đến 4 câu), có thể nêu cảm nhận được các ý sau:  + Được sống trong tình yêu thương của gia đình là niềm hạnh phúc lớn nhất cuộc đời của mỗi người, được hưởng tình yêu thương của cha mẹ, được sống trong mái ấm gia đình được đi học, được cha mẹ quan tâm, chăm sóc, dạy dỗ...  + Phải biết yêu thương, chăm sóc và vâng lời ba mẹ, anh chị. | 1,5 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  |  | a. Đảm bảo cấu trúc một bài văn tư sự:  - Mở bài: Giới thiệu được sự việc (một buổi lao động dọn vệ sinh ở trường học mà em có tham gia)  - Thân bài: Kể diễn biến sự việc  - Kết bài: Nêu cảm xúc, suy nghĩ, mong ước của người viết với câu chuyện đã xảy ra. | 0,25 |
|  |  | b. Xác định đúng yêu cầu của đề.  - Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ (một buổi lao động dọn vệ sinh ở trường học mà em có tham gia) | 0,25 |
|  |  | c. HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  - Sử dụng ngôi kể thứ nhất  - Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ: một buổi lao động dọn vệ sinh ở trường học mà em có tham gia  + Giới thiệu khái quát về trải nghiệm em định kể (Giới thiệu về một buổi tham gia lao động cụ thể ở trường)  + Kể chi tiết, trình tự về trải nghiệm:  . Buổi lao động đó diễn ra khi nào ? Mục đích của buổi lao động đó?  . Các sự việc của buổi lao động dọn vệ sinh đó đã diễn ra theo trình tự nào ? (Kể trình tự sự việc từ khi bắt đầu đến khi kết thúc; Hành động, ngôn ngữ, cảm xúc của bản thân và của người khác.)  + Điều gì đáng nhớ nhất ở buổi lao động ngày hôm đó.  + Bài học rút ra từ trải nghiệm em kể. | 2,5 |
|  |  | d.Chính tả, ngữ pháp  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt | 0,5 |
|  |  | e.Có lối kể sáng tạo, hấp dẫn; kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm để làm nổi bật câu chuyện.  - Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng. | 0,5 |

*Lưu ý: HS có thể có nhiều cách trình bày khác nhau. Vì vậy giáo viên cần linh hoạt đánh giá và ghi điểm theo thực tế bài làm của HS*

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **%**  **điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản nghị luận | **4** | **0** | **4** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng điểm** | | | ***2,0*** | ***0,5*** | ***2,0*** | ***1,5*** | ***0*** | ***3,0*** | ***0*** | ***1,0*** | **100%** |
| **Tỉ lệ %** | | | **25%** | | **35%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản nghị luận | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống.  - Nhận biết được ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.  - Xác định được từ mượn, thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu:**  - Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản.  - Giải thích được nghĩa của từ trong ngữ cảnh.  **Vận dụng**:  - Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.  - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình đặt ra trong văn bản. | 4TN | 4TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **4 TN**  **1\*** | **4TN**  **1\*** | **2 TL**  **1\*** | **1TL\*** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***25*** | ***35*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: Ngữ Văn lớp 6**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (6,0 điểm)**

**Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi**:

*Chiếc smartphone (điện thoại thông minh) đã trở thành một ô cửa nhỏ dẫn người ta thoát khỏi sự buồn chán của bản thân, và cái rung nhẹ báo tin có thông báo mới của nó bao giờ cũng đầy hứa hẹn. Nhưng càng kết nối, càng online (truy cập), thì cái đám đông rộn ràng kia lại càng làm chúng ta cô đơn hơn. Chỗ này một cái like (thích), chỗ kia một cái mặt cười, khắp nơi là những câu nói cụt lủn, phần lớn các tương tác trên mạng hời hợt và vội vã. Càng bận rộn để giao tiếp nhiều thì chúng ta lại càng không có gì để nói trong mỗi giao tiếp. Ngược với cảm giác đầy đặn, được bồi đắp khi chúng ta đứng trước thiên nhiên hay một tác phẩm nghệ thuật lớn, trên mạng xã hội ta bị xáo trộn, bứt rứt, và ghen tị với cuộc sống của người khác như một người đói khát nhìn một bữa tiệc linh đình qua cửa sổ mà không thể bỏ đi. Đêm khuya, khi các chấm xanh trên danh sách friend (bạn bè) dần dần tắt, người ta cuộn lên cuộn xuống cái news feed (dòng thời gian) để hòng tìm một status (trạng thái) bị bỏ sót, một cứu rỗi kéo dài vài giây, một cái nhìn qua lỗ khóa vào cuộc sống của một người xa lạ, để làm tê liệt cảm giác trống rỗng.*

(Trích***Bức xúc không làm ta vô can****,* Đặng Hoàng Giang,tr.76 – 77, NXB Hội Nhà văn, 2016)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1:** Đoạn trích trên thuộc kiểu văn bản nào?

A. Văn bản nghị luận

B. Văn bản thông tin

C. Văn bản tự sự

D. Văn bản biểu cảm

**Câu 2:** Trong câu*Đêm khuya, khi các chấm xanh trên danh sách friend dần dần tắt, người ta cuộn lên cuộn xuống cái news feed để hòng tìm một status bị bỏ sót, một cứu rỗi kéo dài vài giây, một cái nhìn qua lỗ khóa vào cuộc sống của một người xa lạ, để làm tê liệt cảm giác trống rỗng.* Cụm từ *Đêm khuya* là trạng ngữ chỉ ý nghĩa gì?

A. Thời gian

B. Nơi chốn

C. Mục đích

D. Cách thức

**Câu 3**: Trong câu *Càng bận rộn để giao tiếp nhiều thì chúng ta lại càng không có gì để nói trong mỗi giao tiếp,* từ *giao tiếp* là từ mượn của ngôn ngữ nào?

A. Hán Việt

B. Nhật

C. Anh

D. Pháp

**Câu 4:** Câu *Ngược với cảm giác đầy đặn, được bồi đắp khi chúng ta đứng trước thiên nhiên hay một tác phẩm nghệ thuật lớn, trên mạng xã hội ta bị xáo trộn, bứt rứt, và ghen tị với cuộc sống của người khác như một người đói khát nhìn một bữa tiệc linh đình qua cửa sổ mà không thể bỏ đi.* được xem là một bằng chứng trong văn bản nghị luận.

A. Đúng

B. Sai

**Câu 5:** Nội dung chính của đoạn trích trên là gì?

A. Bàn về ảnh hưởng của mạng xã hội đến đời sống tinh thần của con người.

B. Bàn về những trải nghiệm thú vị của con người khi tiếp xúc với mạng xã hội.

C. Bàn về ảnh hưởng của mạng xã hội đến đời sống vật chất của con người.

D. Bàn về những trải nghiệm buồn của con người khi tiếp xúc với mạng xã hội.

**Câu 6:** Từ *cụt lủn* trong câu *Chỗ này một cái like, chỗ kia một cái mặt cười, khắp nơi là những câu nói cụt lủn, phần lớn các tương tác trên mạng hời hợt và vội vã.* có nghĩa là:

A. Quá ngắn đến mức không bình thường

B. Quá ngắn, quá ít so với yêu cầu cần có

C. Quá ngắn, trông giống như bị hụt đi

D. Ngắn, cụt đến mức thiếu hẳn đi

**Câu 7:** Qua đoạn trích trên, tác giả đã thể hiện thái độ gì?

A. Phê phán

B. Coi thường

C. Chê bai

D. Chế giễu

**Câu 8:** Phần câu sau có nhiều vị ngữ: *trên mạng xã hội ta bị xáo trộn, bứt rứt, và ghen tị với cuộc sống của người khác như một người đói khát nhìn một bữa tiệc linh đình qua cửa sổ mà không thể bỏ đi.* Cho biết tác dụng của nó.

A. Giúp cho việc miêu tả các trạng thái của con người khi dùng smartphone được sinh động hơn.

B. Giúp cho việc miêu tả các hành động của con người khi dùng smartphone được sinh động hơn.

C. Giúp cho việc miêu tả các tình cảm của con người khi dùng smartphone được sinh động hơn.

D. Cả ba ý trên đều đúng.

**Câu 9:** Em có đồng tình với ý kiến sau: *Chiếc smartphone đã trở thành một ô cửa nhỏ dẫn người ta thoát khỏi sự buồn chán của bản thân, và cái rung nhẹ báo tin có thông báo mới của nó bao giờ cũng đầy hứa hẹn?* Vì sao?

**Câu 10:** Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc nhất sau khi đọc đoạn trích.

**PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)**

Em đã từng trải qua những chuyến đi xa, được khám phá và trải nghiệm biết bao thắng cảnh, di tích lịch sử văn hóa, học tập được bao điều mới lạ… Hãy kể lại trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.

**------------------------------------ HẾT ---------------------------------------**

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** |  |
| **1** | **A** | **0,5** |
| **2** | **A** | **0,5** |
| **3** | **A** | **0,5** |
| **4** | **B** | **0,5** |
| **5** | **A** | **0,5** |
| **6** | **D** | **0,5** |
| **7** | **A** | **0,5** |
| **8** | **A** | **0,5** |
| **9** | HS có thể lựa chọn cách trả lời *đồng tình/ không đồng tình* và lí giải hợp lí. | **1,0** |
| **10** | HS có thể nêu được cụ thể bài học, ý nghĩa của bài học. | **1,0** |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
| *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự* | **0,25** |
| *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Kể về một trải nghiệm | **0,25** |
| *c. Kể lại một trải nghiệm*  HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  \* Mở bài: Cần đảm bảo có các yếu tố sau:  - Dùng ngôi thứ nhất để kể.  - Giới thiệu sơ lược về trải nghiệm.  - Dẫn dắt chuyển ý, gợi sự tò mò, hấp dẫn với người đọc.  \* Thân bài  Học sinh cần đảm bảo được các yếu tố sau trong bài viết:  - Trình bày hoàn cảnh xảy ra câu chuyện.  - Trình bày các sự việc theo trình tự hợp lý, rõ ràng.  - Miêu tả chi tiết các sự việc.  - Thể hiện cảm xúc của người viết đối với sự việc được kể.  \* Kết bài: Nêu ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân. | **2.5** |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | **0.5** |
| *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | **0.5** |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản nghị luận | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản nghị luận | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đặc điểm nổi bật của văn bản nghị luận.  - Nhận biết được biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản.  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được các nội dung chính trong một văn bản nghị luận có nhiều đoạn.  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.  - Xác định được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ), công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng**:  - Rút ra được những bài học từ văn bản.  - Thể hiện sự đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình 1 phần với những vấn đề đặt ra trong văn bản. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn - lớp 6**

*Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc đoạn trích:**

*(1) Tri thức là vô hạn nên chẳng ai có thể biết được tất cả một cách toàn diện và chắc chắn cả. (2) Vì vậy, hãy không ngừng tìm kiếm và học hỏi về những điều mình chưa biết.*

*(3) Cuộc sống luôn ẩn chứa những bài học mà chúng ta cần nắm bắt để trau dồi và hoàn thiện mình hơn.*

*(4) Bức tranh đẹp nhất luôn là tác phẩm mà chưa người hoạ sĩ nào hoàn thành. (5) Vì vậy, hãy cứ mạnh dạn vẽ nên bức tranh ấy.*

*(6) Kỷ lục thể thao vĩ đại nhất là kỷ lục chưa được tạo lập, do đó, hãy biết ước mơ làm nên những việc lớn.*

*(7) Hãy sống mỗi ngày như thế đó, đó là ngày cuối cùng ta được sống trên thế gian này.*

*(8) Khi từ giã cõi đời, con người ta thường không hối tiếc về những điều mà mình làm, mà lại tiếc nuối về những điều chưa làm được. (9) Hãy sống sao cho khi mất đi, ta có thể mỉm cười mãn nguyện.*

*(10) Cuối cùng, tôi phải thú nhận rằng tôi chẳng hiểu mấy về những cấu trúc nguyên tử hình thành nên vật chất và con người. (11) Điều tôi biết, chỉ đơn giản, kết quả của sự kết hợp tế bào, nhiễm sắc thể, gen di truyền… phức tạp ấy từng là con người rất khác nhau. (12) Và rằng, sự có mặt của mỗi người chúng ta trên thế giới này đều có một ý nghĩa nhất định nào đó. (13) Một khi thời gian sống của ta không còn nữa, chẳng ai khác có thể lấp được khoảng trống mỗi chúng ta để lại phía sau mình.*

*(14) Xuất phát của chúng ta về mặt sinh học có thể giống nhau, nhưng mỗi người có quyền và khả năng riêng để tạo sự khác biệt độc đáo cho mình. (15) Đó sẽ là điều gì thì tùy vào chính bạn.*

(Trích “Hạt giống tâm hồn”, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, tr.140,141)

**Trả lời các câu hỏi sau:**

**Câu 1.** Đoạn trích trên thuộc kiểu văn bản nào? **(Biết)**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Tự sự | C. Nghị luận |
| B. Miêu tả | D. Biểu cảm |

**Câu 2.** Tìm trong đoạn trích lí do tác giả khuyên: “hãy không ngừng tìm kiếm và học hỏi về những điều mình chưa biết”? **(Biết)**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Tri thức là vô hạn nên chẳng ai có thể biết được tất cả một cách toàn diện và chắc chắn cả. | C. Hãy sống sao cho khi mất đi, ta có thể mỉm cười mãn nguyện. |
| B. Cuộc sống luôn ẩn chứa những bài học mà chúng ta cần nắm bắt để trau dồi và hoàn thiện mình hơn. | D. Hãy sống mỗi ngày như thế đó, đó là ngày cuối cùng ta cùng được sống trên thế gian này. |

**Câu 3.** Trong các từ sau đây, từ nào là từ ghép? **(Biết)**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Độc đáo. | C. Chắc chắn. |
| B. Học hỏi. | D. Rì rào. |

**Câu 4.** Đoạn trích trên bàn về vấn đề gì? **(Hiểu)**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Ý thức chia sẻ, giúp đỡ mọi người. | C. Ý thức tham gia hoạt động tập thể. |
| B. Ý thức học hỏi, vươn lên trong cuộc sống. | D. Ý thức làm những điều tốt đẹp. |

**Câu 5.** Trạng ngữ trong câu văn (8) được dùng để làm gì? **(Hiểu)**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Chỉ nguyên nhân. | C. Chỉ mục đích. |
| B. Chỉ thời gian. | D. Chỉ phương tiện. |

**Câu 6.** Dòng nào dưới đây **không** diễn tả đúng lí do tác giả cho rằng: *cuộc sống luôn ẩn chứa những bài học mà chúng ta cần nắm bắt*? **(Hiểu)**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Vì cuộc sống luôn chứa đựng những điều kì diệu. | C. Vì cuộc sống luôn thay đổi và phát triển. |
| B. Vì thực tế cuộc sống sẽ giúp chúng ta trải nghiệm và trưởng thành. | D. Vì các vấn đề trong cuộc sống là nhẹ nhàng và đơn giản. |

**Câu 7.** Em hiểu như thế nào về nghĩa của từ “kỷ lục” trong câu (6)? **(Hiểu)**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Mức thành tích cao nhất từ trước tới nay chưa ai đạt được. | C. Mức thành tích nhiều người đạt được. |
| B. Mức thành tích cao nhất trong một cuộc thi. | D. Kết quả làm hài lòng nhiều người. |

**Câu 8.** Ngụ ý của tác giả trong câu văn (7) là gì? **(Hiểu)**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Hãy luôn hưởng thụ cuộc sống mỗi ngày. | C. Sống vui vẻ, thoải mái mỗi ngày. |
| B. Hãy sống biết yêu thương và chia sẻ. | D. Hãy sống tích cực, cống hiến hết mình trong mỗi ngày. |

**Câu 9.** Em có đồng ý với ý kiến “*mỗi người có quyền và khả năng riêng để tạo sự khác biệt độc đáo cho mình*” không? Vì sao?

**Câu 10.** Em rút ra bài học gì cho bản thân từ đoạn trích trên?

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

Viết bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | B | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  | **9** | - Học sinh nêu được quan điểm riêng của bản thân: đồng ý/ không đồng ý.  - Lí giải phù hợp. | 0,25  0,75 |
|  | **10** | Học sinh nêu được cụ thể bài học rút ra từ văn bản. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | 1. *Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự:*   Có đầy đủ các phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề bài*.  Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân. | 0,25 |
|  | *c. Kể lại trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.*  HS kể lại trải nghiệm đáng nhớ của bản thân theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.  - Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.  - Trình bày chi tiết về thời gian, không gian, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện.  - Trình bày chi tiết những nhân vật liên quan.  - Trình bày các sự việc theo trình tự hợp lý, rõ ràng.  - Kết hợp kể và miêu tả, biểu cảm.  - Ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân | 2,5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp:* Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo, bài viết lôi cuốn, hấp dẫn. | 0,5 |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II, MÔN NGỮ VĂN LỚP 6**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

**MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Văn bản thông tin | **3**  **(C1,2,8)** | **0** | **5**  **(C3,4,5,6,7)** |  | **0** | **2**  **(C9,10)** | **0** |  | **60** |
| - Văn bản nghị luận |
| **2** | **Viết** | - Viết bài văn kể lại một truyện truyền thuyết  - | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng số câu** | | | ***3*** | 1\* | ***5*** | 1\* | ***0*** | ***03\**** | ***0*** | 1\* | **11** |
| **Tổng điểm** | | | ***1.5*** | ***0.5*** | ***2.5*** | ***1.5*** | ***0*** | ***3.0*** | ***0*** | ***1.0*** | **10** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | | **100** |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản thông tin. | **Nhận biết:**  - Nhận biết được các chi tiết trong văn bản.  - Nhận biết được từ mượn và nguồn gốc của từ mượn.  - Nhận ra từ phức (từ láy)  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được các ý chính của mỗi đoạn trong một văn bản thông tin có nhiều đoạn.  - Trình bày được tác dụng của đề mục, chữ đậm  - Giải thích được nghĩa của từ ngữ được sử dụng trong văn bản;  - Giải thích được vai trò của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ (hình ảnh, số liệu,...).  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản.  **Vận dụng:**  - Rút ra được những bài học từ nội dung văn bản.  - Đánh giá được giá trị của thông tin trong văn bản hoặc cách thức truyền tải thông tin trong văn bản. | 3 TN  **(C1,2,8)** | 5TN  **(C3,4,5,6,7)** | 2TL  **(C9,10)** |  |
| **2** | **Viết** | Kể lại một truyện truyền thuyết | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn kể lại một truyền thuyết. Có thể sử dụng ngôi thứ nhất hoặc ngôi thứ ba, kể bằng ngôn ngữ của mình trên cơ sở tôn trọng cốt truyện. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| **Tổng số câu** | | | | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| **Tỉ lệ %** | | | | **20** | **40** | **30** | **10** |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn, lớp 6**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau rồi thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

**Nguyên nhân khiến Trái Đất nóng lên**

*Hiện tại, Trái Đất nóng lên chủ yếu là do con người tạo ra thông qua các hoạt động đốt cháy nhiên liệu hóa thạch (dầu, khí đốt, than đá…) cùng các loại khí thải khác nên lượng nhiệt bị giữ lại ở bầu khí quyển.*

*Một số hoạt động chính là nguyên nhân khiến cho Trái Đất nóng lên:*

***Hiệu ứng nhà kính***

*Các hiện tượng hiệu ứng nhà kính tăng lên rõ rệt trong thời gian gần đây đã làm thủng tầng ô-dôn... Những nơi bị thủng hoặc mất đi tầng ô-dôn thì nơi đó đất đai sẽ bị sa mạc hóa không còn tác dụng cân bằng hệ sinh thái như hiện tại thành ra ban ngày nóng, ban đêm lạnh.*

***Quá trình công nghiệp hóa***

*Do sự phát triển nhanh chóng như vũ bão của khoa học công nghệ cùng sự phát triển của nền kinh tế nên nhiều nhà máy xả thải trực tiếp và phun khí thải vào môi trường. Số lượng phương tiện từ xe cộ (xe máy, xe đạp, ô tô…) cũng đã thải ra một lượng lớn khí các-bô-níc. Khi lượng khí các-bô-níc có nhiều trong bầu khí quyển do ánh nắng Mặt Trời chiếu vào làm tăng nhiệt độ của bề mặt Trái Đất.*

***Rừng bị tàn phá***

|  |  |
| --- | --- |
| *Nếu như khí các-bô-níc thải ra thì theo quy luật tự nhiên sẽ được cây xanh quang hợp để cung cấp lượng ô-xi cần thiết cho con người. Tuy nhiên, số lượng cây xanh đã bị tàn phá hết nên đã không thể phân giải hết lượng khí các-bô-níc trong môi trường khiến cho Trái Đất càng ngày càng nóng lên rõ rệt. Diện tích rừng bị tàn phá ngày càng rộng nên tia nắng Mặt Trời chiếu xuống Trái Đất không có tầng lá xanh của cây chặn lại nên khi chiếu xuống mặt đất sẽ hình thành nên những vùng đất khô cằn, nóng như hoang mạc. Mùa mưa không có rừng để giữ nước lại nên sẽ gây lũ lụt còn mùa khô thì xảy ra hạn hán.* | rung |

(Theo LV, quangnam.gov.vn)

**1. Lựa chọn đáp án đúng cho các câu từ 1 đến 8:**

**Câu 1**. Theo văn bản, các nguyên nhân chính khiến Trái Đất nóng lên là gì?

A. Hiệu ứng nhà kính; thủng tầng ô-dôn; quá trình công nghiệp hóa.

B. Quá trình công nghiệp hóa; tăng khí mê tan; rừng bị tàn phá .

C. Hiệu ứng nhà kính; quá trình công nghiệp hóa; rừng bị tàn phá.

D. Số lượng phương tiện xe cộ tăng nhanh; hiệu ứng nhà kính; rừng bị tàn phá.

**Câu 2.** Từ được in đậm trong câu:“*Khi lượng khí* ***các-bô-níc*** *có nhiều trong bầu khí quyển do ánh nắng Mặt Trời chiếu vào làm tăng nhiệt độ của bề mặt Trái Đất*” có nguồn gốc từ tiếng nước nào?

A. Tiếng Hán.

B. Tiếng Pháp.

C. Tiếng Hàn.

D. Tiếng Anh.

**Câu 3.** Đáp án nào sau đây nêu lên nội dung chính của đoạn văn sau:

*Do sự phát triển nhanh chóng như vũ bão của khoa học công nghệ cùng sự phát triển của nền kinh tế nên nhiều nhà máy xả thải trực tiếp và phun khí thải vào môi trường. Số lượng phương tiện từ xe cộ (xe máy, xe đạp, ô tô…) cũng đã thải ra một lượng lớn khí các-bô-níc. Khi lượng khí các-bô-níc có nhiều trong bầu khí quyển do ánh nắng Mặt Trời chiếu vào làm tăng nhiệt độ của bề mặt Trái Đất.*

A. Quá trình công nghiệp hóa là nguyên nhân làm Trái Đất nóng lên.

B. Hiệu ứng nhà kính là nguyên nhân làm Trái Đất nóng lên.

C. Sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ là nguyên nhân làm Trái Đất nóng lên.

D. Lượng khí các-bô-níc có nhiều trong khí quyển làm tăng nhiệt độ của Trái Đất.

**Câu 4**. Các đề mục được in đậm trong văn bản có tác dụng nào sau đây?

A. Nêu lên chủ đề của văn bản.

B. Nêu lên các thông tin chủ yếu của văn bản.

C. Nêu lên thông điệp của văn bản.

D. Nêu lên mục đích của văn bản.

**Câu 5**. Dòng nào sau đây nêu lên chính xác nghĩa của từ *hoang mạc* trong văn bản trên?

A. Vùng đất hoang rộng lớn, hầu như không có cây cối và người ở.

B. Vùng đất hoang rộng lớn, khí hậu khô cằn, hầu như không có cây cối và người ở.

C. Vùng đất có khí hậu khô cằn, không có cây cối và người ở.

D. Vùng đất rộng lớn, khí hậu khô cằn, không có cây cối và người ở.

**Câu 6**. Hình ảnh minh họa làm sáng tỏ thông tin gì trong văn bản?

A. Hiện tượng hạn hán vào mùa khô.

B. Hiệu ứng nhà kính.

C. Rừng bị tàn phá.

D. Quá trình công nghiệp hóa.

**Câu 7.** Đoạn văn dưới đây cung cấp thông tin gì?

Hiện tại, Trái Đất nóng lên chủ yếu là do con người tạo ra thông qua các hoạt động đốt cháy nhiên liệu hóa thạch (dầu, khí đốt, than đá…) cùng các loại khí thải khác nên lượng nhiệt bị giữ lại ở bầu khí quyển.

A. Nêu lên thông tin về địa điểm diễn ra sự việc được nói đến trong câu.

B. Nêu lên thông tin về thời gian diễn ra sự việc được nói đến trong câu.

C. Nêu lên thông tin về nguyên nhân diễn ra sự việc được nói đến trong câu.

D. Nêu lên thông tin về cách thức diễn ra sự việc được nói đến trong câu.

**Câu 8. Xác định các từ láy trong câu sau:**

*Mùa mưa không có rừng để giữ nước lại nên sẽ gây lũ lụt còn mùa khô thì xảy ra hạn hán.*

1. Lũ lụt, hạn hán
2. Mùa mưa, hạn hán
3. Mùa mưa, lũ lụt
4. Mùa mưa, hạn hán, lũ lụt

**2. Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu sau:**

**Câu 9.** Theo em, bức thông điệp mà tác giả gửi gắm qua văn bản trên là gì?

**Câu 10.** Qua đoạn trích trên em hãy nêu một số giải pháp của cá nhân để hạn chế tình trạng Trái Đất nóng lên?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Đóng vai một nhân vật trong một truyện truyền thuyết mà em yêu thích và kể lại?

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II, MÔN NGỮ VĂN 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I. Đọc**  **hiểu** | **1** | C | 0,5 |
| **2** | D | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | D | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
| **9** | *- HS nêu được cụ thể bức thông điệp; ý nghĩa của bức thông điệp rút ra từ văn bản.*  *- Gợi ý: Các hoạt động của con người có ảnh hưởng nghiêm trọng tới Trái Đất và chính môi trường sống của chúng ta. Do đó bên cạnh việc phát triển kinh tế cần phải có những giải pháp để chung tay bảo vệ môi trường.* | 1,0 |
| **10** | *- HS nêu được cụ thể một số giải pháp hạn chế tình trạng Trái Đất nóng lên.*  *- Gợi ý: Tích cực trồng cây, gây rừng; sử dụng tích cực các phương tiện công cộng hoặc xe đạp, đi bộ… để giảm lượng khói bụi từ xe cộ; các nhà máy, xí nghiệp cần xử lí chất thải trước khi xả ra môi trường; tiết kiệm điện, tiết kiệm năng lượng…* | 1,0 |
| **II. Viết** | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự.* | | 0,25 |
| *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: kể *một câu chuyện truyền thuyết bằng lời một nhân vật.* | | 0,25 |
| **c. Đảm bảo cấu trúc của bài văn kể chuyện truyền thuyết bằng lời một nhân vật**:  - Có đầy đủ các phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài.  - Cụ thể:  **Mở bài**: Đóng vai nhân vật để tự giới thiệu về mình và câu chuyện định kể  **Thân bài**: Kể diễn biến của câu chuyện;  + Xuất thân của nhân vật  + Hoàn cảnh diễn ra câu chuyện  + Diễn biến chính:   * Sự việc 1: * Sự việc 2: * Sự việc 3:   **Kết bài**: Kết thúc câu chuyện và bài học được rút từ câu chuyện | | 2.5 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | | 0,5 |
| *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | | 0,5 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN 6**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện đồng thoại, truyện ngắn. | **4** | **0** | **4** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Kể lại một chuyến đi và trải nghiệm đáng nhớ của bản thân. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***20*** | ***5*** | ***20*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **25%** | | **35%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện đồng thoại. | **Nhận biết:**  **-** Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật, thể loại. (1)  - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba. (2)  **Thông hiểu:**  - Giải thích được nghĩa của từ. (3)  - Nêu được chủ đề của văn bản. (4)  - Phân tích được tình cảm, thái độ của người kể chuyện thể hiện qua ngôn ngữ, giọng điệu. (5)  - Hiểu và phân tích được tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể, cách kể chuyện. (6)  - Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật. (7)  - Xác định biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong văn bản. (8)  **Vận dụng**:  - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra. (9)  - Trình bày ý kiến về hành động của nhân vật.(10) | 4 TN | 4TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; sử dụng ngôi kể thứ nhất để chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **4 TN** | **4TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20 + 5*** | ***20 + 15*** | ***20 + 10*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | | **40** |

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN LỚP 6**

Thời gian làm bài: 90 phút

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

Đọc ngữ liệu sau và trả lời câu hỏi:

**CÂU CHUYỆN ỐC SÊN**

*Ốc sên con ngày nọ hỏi mẹ:*

*- Mẹ ơi! Tại sao chúng ta từ khi sinh ra phải đeo cái bình vừa nặng vừa cứng trên lưng như thế? Thật mệt chết đi được!*

*- Vì cơ thể chúng ta không có xương để chống đỡ, chỉ có thể bò, mà bò cũng không nhanh - Ốc sên mẹ nói.*

*- Chị sâu róm không có xương cũng bò chẳng nhanh, tại sao chị ấy không đeo cái bình vừa nặng vừa cứng đó?"*

*- Vì chị sâu róm sẽ biến thành bướm, bầu trời sẽ bảo vệ chị ấy.*

*- Nhưng em giun đất cũng không có xương, cũng bò chẳng nhanh, cũng không biến hoá được, tại sao em ấy không đeo cái bình vừa nặng vừa cứng đó?*

*- Vì em giun đất sẽ chui xuống đất, lòng đất sẽ bảo vệ em ấy.*

*Ốc sên con bật khóc, nói:*

*- Chúng ta thật đáng thương, bầu trời không bảo vệ chúng ta, lòng đất cũng chẳng che chở chúng ta.*

*- Vì vậy mà chúng ta có cái bình! - Ốc sên mẹ an ủi con - Chúng ta không dựa vào trời, cũng chẳng dựa vào đất, chúng ta dựa vào chính bản thân chúng ta.*

(Theo Quà tặng cuộc sống, NXB Thanh niên, 2009)

**Câu 1**. “Câu chuyện **ốc sên**” được viết theo thể loại nào? (1)

A. Truyện cổ tích B. Truyện đồng thoại C. Truyền thuyết D. Thần thoại.

**Câu 2**. Tác phẩm được kể bằng lời của ai? (2)

A. Lời của Ốc sên con. B. Lời của Ốc sên mẹ.

C. Lời của người kể chuyện. D. Lời của Ốc sên mẹ và Ốc sên con.

**Câu 3.** Câu chuyện có mấy nhân vật chính? (1)

A. Một B. Hai C. Ba D. Bốn

**Câu 4**. Cho biết câu văn sau là lời dẫn trực tiếp hay gián tiếp"mẹ ơi! Tại sao chúng ta từ khi sinh ra lại phải đeo cái bình vừa nặng vừa cứng trên lưng như thế? Thật mệt chết đi được!"(3)

A. Trực tiếp B. Gián tiếp

**Câu 5**. Vì sao Ốc sên con lại bật khóc và cảm thấy mình đáng thương? (1)

A. Vì phải đeo cái bình vừa nặng, vừa cứng trên lưng.

B. Vì cơ thể không có xương để chống đỡ, chỉ có thể bò.

C. Vì không được bầu trời bảo vệ, lòng đất cũng chẳng che chở.

D. Vì Chị sâu róm không có xương cũng bò chẳng nhanh.

**Câu 6**.  Em hiểu thế nào về câu nói của Ốc sên mẹ: “Chúng ta không dựa vào trời, cũng chẳng dựa vào đất, chúng ta phải dựa vào chính bản thân chúng ta”? (7)

A. Chúng ta phải tin vào chính bản thân mình, biết trân trọng, yêu quý.

B. Không nên tị nạnh, so đo với người khác và cũng chẳng phải dựa vào ai.

C. Chúng ta phải tin rằng mình có nhiều đặc điểm mà người khác không có được.

D. Biết chấp nhận hoàn cảnh, cố gắng vươn lên, dựa vào nội lực của chính mình.

**Câu 7**. Phép tu từ được người viết sử dụng trong văn bản trên. (8)

A. Hoán dụ. B. Nhân hóa. C. So sánh. D. Ẩn dụ

**Câu 8: Ốc Sên đã tự so sánh mình với những ai? (7)**

A. Với mẹ Ốc Sên B. Với Giun Đất và Bướm

C. Với Sâu Róm và Bướm D. Với Giun Đất và Sâu Róm

**Câu 9**. Trình bày quan điểm của em về thông điệp được đặt ra trong văn bản. (9)

**Câu 10**. Em có đồng ý với cách suy nghĩ và hành động của Ốc sên con trong câu chuyện không? Vì sao? (10)

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Hãy kể lại một truyện truyền thuyết bằng lời văn của em.

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
| **1** | B | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
| **9** | HS nêu được cụ thể bài học; ý nghĩa của bài học mà bản thân tâm đắc nhất. | 1,0 |
| **10** | HS tự nêu ý kiến của mình và giải thích ý kiến của mình. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  *Kể lại một truyện truyền thuyết bằng lời văn của em.* | 0,25 |
|  | *c. Kể lại một truyện truyền thuyết bằng lời văn của em.*  HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  - Sử dụng ngôi kể phù hợp.  - Giới thiệu được câu chuyện truyền thuyết định kể.  - Giới thiệu được nhân vật chính, các sự kiện chính trong truyền thuyết: bắt đầu - diễn biến - kết thúc.  - Ý nghĩa của truyện truyền thuyết. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | 0,5 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện đồng thoại, truyện ngắn. | **4** | **0** | **4** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Kể lại một chuyến đi và trải nghiệm đáng nhớ của bản thân. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***20*** | ***5*** | ***20*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **25%** | | **35%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyền đồng thoại, truyện ngắn. | **Nhận biết:**  **-** Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật, thể loại. (1)  - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.(2)  **Thông hiểu:**  - Giải thích được nghĩa của từ.(3)  - Nêu được chủ đề của văn bản.(4)  - Phân tích được tình cảm, thái độ của người kể chuyện thể hiện qua ngôn ngữ, giọng điệu.(5)  - Hiểu và phân tích được tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể, cách kể chuyện.(6)  - Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.(7)  - Xác định biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong văn bản.(8)  **Vận dụng**:  - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra. (9)  - Trình bày ý kiến về hành động của nhân vật.(10) | 4 TN | 4TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; sử dụng ngôi kể thứ nhất để chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **4 TN** | **4TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20+5*** | ***20+15*** | ***20+10*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | | **40** |

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**Môn Ngữ văn lớp 6**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

Đọc ngữ liệu sau:

**Xương Rồng và Cúc Biển**

*Xương Rồng sống ở bãi cát ven biển đã lâu mà chẳng được ai để ý đến. Bông Cúc Biển thấy lão sống lặng lẽ quá nên xin đến ở chung. Lão hơi khó chịu nhưng vẫn đồng ý. Một hôm, đàn bướm nọ bay ngang qua, kêu lớn:*

*- Ôi, bác Xương Rồng nở hoa đẹp quá!*

*Xương Rồng hồi hộp chờ Cúc Biển lên tiếng nhưng nó chỉ im lặng, mỉm cười. Nhiều lần được khen, lão vui vẻ ra mặt.*

*Thời gian trôi qua, hết Xuân đến Hè, hoa Cúc Biển tàn úa. Vài chú ong nhìn thấy liền cảm thán:*

*- Thế là đến thời hoa Xương Rồng tàn héo!*

*Nghe mọi người chê, Xương Rồng liền gân cổ cãi:*

*- Ta chẳng bao giờ tàn héo cả. Những bông hoa kia là của Cúc Biển đấy!*

*Cúc Biển chẳng nói gì nhưng không cười nữa. Đợi chị gió bay qua, nó xin chị mang mình theo đến vùng đất khác.*

*Mùa Xuân đến, bướm ong lại bay qua nhưng chẳng ai còn để ý đến Xương Rồng nữa. Lão tiếp tục sống những ngày tháng cô độc như trước.*

# (Trích từ tập sách *Giọt sương chạy trốn* của Lê Luynh,

# NXB Kim Đồng 2020)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1**.Câu chuyện “Xương Rồng và Cúc Biển” được viết theo thể loại nào? (1)

A. Truyện cổ tích **B. Truyện đồng thoại**

C. Truyền thuyết D. Thần thoại.

**Câu 2**. Câu chuyện trong tác phẩm được kể bằng lời của ai?(2)

A. Lời của nhân vật Xương Rồng. B. Lời của Cúc Biển.

**C. Lời của người kể chuyện.** D. Lời của Xương Rồng và Cúc Biển

**Câu 3.** Câu chuyện có mấy nhân vật chính? (1)

A. Một **B. Hai**  C. Ba D. Bốn

**Câu 4**. Từ “mùa xuân” trong văn bản được hiểu theo nghĩa gốc, đúng hay sai?(3)

**A. Đúng.** B. Sai.

**Câu 5**. Cúc Biển giúp Xương Rồng không cô độc bằng cách nào? (1)

A. Cúc Biển trò chuyện vui vẻ cùng Xương Rồng

B. Cúc Biển rủ Xương Rồng đi chơi

**C. Cúc Biển xin đến nhà Xương Rồng ở chung**

D. Xương Rồng đến nhà Cúc Biển ở chung

**Câu 6**. Cử chỉ, hành động của Cúc Biển lặng lẽ, mỉm cười khi Xương Rồng hiểu nhầm đàn bướm khen Xương rồng, thể hiện phẩm chất gì của Cúc Biển?(7)

A. Đoàn kết

B. Tự tin

**C.** Dũng cảm

D. **Khiêm tốn**

**Câu 7**. Nêu tên biện pháp tu từ sử dụng trong câu sau:  *Mùa Xuân đến, bướm ong lại bay qua nhưng chẳng ai còn để ý đến Xương Rồng nữa. Lão tiếp tục sống những ngày tháng cô độc như trước.*(8)

A. Hoán dụ. **B. Nhân hóa.**

C. So sánh D. Ẩn dụ

# Câu 8. Vì sao Cúc Biển muốn sống cùng Xương Rồng nhưng cuối cùng Cúc Biển lại bỏ đi?(7)

**A. Vì Cúc Biển thất vọng về Xương Rồng**

B. Vì Cúc Biển không muốn ở đó nữa

C. Vì Cúc Biển muốn đi nơi khác vui hơn

D. Vì Cúc Biển muốn có thêm bạn mới

**Câu 9**. Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc nhất sau khi đọc câu chuyện “Xương Rồng và Cúc Biển.(9)

**Câu 10**. Em có đồng ý với cử chỉ và hành động của Xương Rồng trong câu chuyện không? Vì sao? (10)

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Em đã từng trải qua những chuyến đi xa, được khám phá và trải nghiệm biết bao thắng cảnh, di tích lịch sử văn hóa, học tập được bao điều mới lạ,…Hãy kể lại một chuyến đi trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
| **1** | B | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
| **9** | HS nêu được cụ thể bài học; ý nghĩa của bài học mà bản thân tâm đắc nhất. | 1,0 |
| **10** | HS tự nêu ý kiến của mình và giải thích ý kiến của mình. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  *Kể lại một trải nghiệm* | 0,25 |
|  | *c. Kể lại trải nghiệm của bản thân*  HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.  - Giới thiệu được trải nghiệm của bản thân.  - Các sự kiện chính trong trải nghiệm: bắt đầu – diễn biến – kết thúc.  - Cảm xúc sau trải nghiệm đó. | 3,0 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | 0,25 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện đồng thoại, truyện ngắn. | **4** | **0** | **4** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***20*** | ***5*** | ***20*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **25%** | | **35%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyền đồng thoại, truyện ngắn. | **Nhận biết:**  **-** Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật, thể loại. (1)  - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.(2)  **Thông hiểu:**  - Giải thích được nghĩa của từ.(3)  - Nêu được chủ đề của văn bản.(4)  - Phân tích được tình cảm, thái độ của người kể chuyện thể hiện qua ngôn ngữ, giọng điệu.(5)  - Hiểu và phân tích được tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể, cách kể chuyện.(6)  - Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.(7)  - Xác định được động từ, biện pháp tu từ nhân hóa sử dụng trong văn bản.(8)  **Vận dụng**:  - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra. (9)  - Trình bày ý kiến về hành động của nhân vật.(10) | 4 TN | 4TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; sử dụng ngôi kể thứ nhất để chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **4 TN** | **4TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***25*** | ***35*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**Môn Ngữ văn lớp 6**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc ngữ liệu sau:**

***CON THỎ TRẮNG THÔNG MINH***

*Một ngày nọ, Thỏ, Khỉ và Dê rủ nhau lên núi chơi. Đột nhiên chúng phát hiện ra con Sói già đang lẻn vào nhà Gà và lấy trộm trứng.*

*Dê giọng nhỏ nhẻ: “Con Sói kia hung dữ lắm. Chúng ta chi bằng giả vờ không nhìn thấy, cứ để nó trộm. Nếu mình vào nói có khi bị nó ăn thịt mất”.*

*Khỉ tức giận nói: “Làm sao lại để yên khi biết chúng làm việc xấu. Hãy để tôi”. Nói xong, Khỉ dũng cảm xông lên: “Con Sói già kia, tại sao lại lấy trộm đồ của người khác. Để trứng xuống ngay”.*

*Sói nhìn xung quanh không thấy có người liền hung hãn quát: “Con Khỉ to gan nhà ngươi, không muốn sống nữa hả. Ngươi dám chen vào chuyện của tao hả. Hôm nay ngươi sẽ phải chết”, vừa dứt lời con Sói già giơ móng vuốt vồ nhanh lấy Khỉ.*

*Khỉ hoảng sợ chờ đợi cái chết thì bất ngờ tiếng súng nổ lên. “Sói, đầu hàng đi, ngươi đã bị bao vây”, tiếng bác cảnh sát vang lên. Hóa ra lúc Dê và Khỉ đang tranh luận cách giải quyết thì Thỏ đã nhanh trí chạy đi báo cảnh sát. Vì vậy mà Khỉ đã thoát chết và Sói đã bị trừng phát thích đáng*

*(*Theo -IQSCHOOL.vn – chia sẻ - yêu thích – giáo dục – trải nghiệm)

**Chọn câu trả lời đúng nhất (Từ câu 1 đến câu 8)**

**Câu 1**. Câu chuyện *Con Thỏ trắng thông minh* được viết theo thể loại nào? (1)

A. Truyện cổ tích. B.Truyền thuyết.

C. Truyện đồng thoại. D. Thần thoại.

**Câu 2**. Câu chuyện được kể bằng lời của ai?(2)

A. Lời của người kể chuyện. B. Lời của Chim Én.

C. Lời của nhân vật D. Lời của Dế Mèn và Chim Én.

**Câu 3.** Câu chuyện có những nhân vật chính nào? (1)

A. Thỏ,Khỉ B. Thỏ, Khỉ, DêC.Thỏ, Khỉ, Dê, Sói D. Khỉ, Dê, Sói

**Câu 4**. Lúc Dê và Khỉ đang tranh luận cách giải quyết thì Thỏ làm gì? (1)

A. Thỏ đứng bên cạch lắng nghe ý kiến hai bạn.

B. Thỏ không tham gia bày tỏ ý kiến mà bỏ đi chơi.

C. Thỏ sợ hãi trốn vào bụi cây trên núi.

D. Thỏ đã nhanh trí chạy đi báo cảnh sát.

**Câu 5**. Từ “chạy” trong câu chuyện thuộc từ loại nào?(8)

A. Động từ. B. Danh từ. C. Số từ. D. Chỉ từ.

**Câu 6**. Hành động của Thỏ ở cuối câu chuyện thể hiện điều gì?(7)

A. Đoàn kết. B. Yêu thương.

C. Dũng cảm. D. Thông minh.

**Câu 7**. Xác định tên biện pháp tu từ sử dụng trong câu sau: *Khỉ tức giận nói: “Làm sao lại để yên khi biết chúng làm việc xấu.*”.(8)

A. Hoán dụ. **B.** Nhân hóa**.**

C. So sánh. D. Ẩn dụ

**Câu 8**. Vì sao Dê nói với Khỉ và Thỏ là: *“Con Sói kia hung dữ lắm. Chúng ta chi bằng giả vờ không nhìn thấy, cứ để nó trộm. Nếu mình vào nói có khi bị nó ăn thịt mất”.*?(7)

A. Vì Dê lo cho mọi người.

B. Vì Sói kia hung dữ lắm.

C. Vì Dê sợ bị Sói ăn thịt.

D. Vì Dê nghĩ đó không phải việc của mình.

**Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9**. Qua câu chuyện trên bài học tâm đắc nhất em rút ra được là gì?(9)

**Câu 10**. Trong những cách giải quyết sự việc ở câu chuyện trên, em thích nhất cách giải quyết sự việc của nhân vật nào? Vì sao? (10)

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Viết bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
| **1** | C | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | D | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | C | 0,5 |
| **9** | HS nêu được cụ thể: bài học mà bản thân tâm đắc nhất. | 1,0 |
| **10** | HS tự nêu ý kiến của mình và giải thích ý kiến của mình. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  *Kể lại một trải nghiệm* | 0,25 |
|  | *c. Kể lại trải nghiệm của bản thân*  HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.  - Giới thiệu được trải nghiệm của bản thân.  - Các sự kiện chính trong trải nghiệm: bắt đầu – diễn biến – kết thúc.  - Kết hợp kể và miêu tả, biểu cảm.  - Cảm xúc sau trải nghiệm đó. | 3,0 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo, lôi cuốn, hấp dẫn. | 0,25 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản thơ, thơ lục bát | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Kể về một trải nghiệm của bản thân. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng điểm** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***1*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | | **100%** |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ và thơ lục bát | **Nhận biết:**  - Nêu được ấn tượng chung về văn bản, tác giả, tác phẩm.(1)  **-** Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp, thể loại của bài thơ lục bát.(2)  - Nhận diện được các yếu tố tự sự, miêu tả và biểu cảm trong thơ. (3)  - Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.(4)  - Nhận ra từ đơn và từ phức; từ đa nghĩa và từ đồng âm; cụm từ, các biện pháp tu từ (5)  **Thông hiểu:**  - Nêu được chủ đề của bài thơ, cảm xúc chủ đạo của nhân vật trữ tình trong bài thơ.(6)  - Nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.(7)  - Chỉ ra tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả, các biện pháp tu từ trong thơ.(8)  **Vận dụng**:  - Trình bày được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử được gợi ra từ văn bản. (9)  - Đánh giá được giá trị của các yếu tố vần, nhịp (10) | 3 TN | 5TN | 2 TL |  |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn tự sự | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:** Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5 TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **20%** | **40%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60%** | | **40%** | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn Ngữ văn lớp 6**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

Gấu con chân vòng kiềng

*Gấu con chân vòng kiềng  
Gấu con chân vòng kiềng  
Đi dạo trong rừng nhỏ,  
Nhặt những quả thông già,  
Hát líu lo, líu lo.*

*Đột nhiên một quả thông  
Rụng vào đầu đánh bốp…  
Gấu luống cuống, vướng chân  
Và ngã nghe cái bộp!*

*Có con sáo trên cành  
Hét thật to trêu chọc:  
- Ê gấu, chân vòng kiềng  
Giẫm phải đuôi à nhóc!*

*Cả đàn năm con thỏ  
Hét thật to trêu chọc:  
- Gấu con chân vòng kiềng!  
Hét thật to – đến xấu.*

*Thế là ai cũng biết  
Tất cả đều chê bai:  
- Gấu con chân vòng kiềng  
Đi dạo trong rừng nhỏ…*

*Gấu con chân vòng kiềng  
Vội chạy về mách mẹ:  
- Vòng kiềng thật xấu hổ  
Con thà chết còn hơn.  
Nó nấp sau cánh tủ,*

*Tủi thân khóc thật to:  
- Cả khu rừng này chê  
Chân vòng kiềng xấu, xấu!*

*Ngạc nhiên lắm, mẹ gấu  
Nói với con thế này:  
- Chân của con rất đẹp,  
Mẹ luôn thấy tự hào!*

*Chân mẹ vòng kiềng nhé,  
Cả chân bố cũng cong,  
Vòng kiềng giỏi nhất vùng  
Chính là ông nội đấy!*

*Gấu con nghe mẹ nói  
Bình tâm trở lại ngay.  
Ra rửa sạch chân tay,  
Rồi ngồi ăn bánh mật.*

*Và bước ra kiêu hãnh,  
Vui vẻ hét thật to:  
- Chân vòng kiềng là ta  
Ta vào rừng đi dạo!*

**Trang 39 Ngữ Văn 6 tập 2 *Cánh Diều***

**Câu 1: Bài thơ *Gấu con chân vòng kiềng* thuộc thể thơ nào?(*2)***

A. 5 chữ B. 7 chữ C. Lục bát D. Tự do

**Câu 2: Phương thức biểu đạt chính của bài thơ trên là gì*? (3)***

*A. Thuyết minh* B. Nghị luận C. Miêu tả D. Biểu cảm

**Câu 3: Trong SGK, bài thơ trên là bản dịch của ai***? (1)*

A. Nguyễn Quỳnh Hương B. Xuân Diệu

C. Trần Đăng Khoa D. Phạm Lữ Ân

**Câu 4: Bài thơ *Gấu con chân vòng kiềng* viết về tình cảm gia đình, đúng nay sai?** *(6)*

A. Đúng B. Sai

**Câu 5: Trong bài thơ, vật gì đã khiến gấu con ngã nhào***? (6)*

A. Viên đá B. Hố đất C. Quả thông D. Quả nhãn

**Câu 6: Đàn thỏ đã làm gì khi gấu con bị chê xấu?** *(7)*

A. Bảo vệ gấu con B. An ủi gấu con

C. Hùa theo trêu chọc D. Phê phán kẻ trêu chọc gấu con

**Câu 7: Khi chưa bị trêu chọc, gấu con có tâm trạng như thế nào?**

A. Vui vẻ, yêu đời B. Lo âu, sợ hãi

C. Nóng giận, bực tức D. Đau khổ, thất vọng

**Câu 8: Điệp ngữ: *Gấu con chân vòng kiềng* được lặp lại nhằm nhấn mạnh điều gì?** *(8)*

A. Gấu con rất bé nhỏ B. Gấu con có đôi chân vòng kiềng

C. Gấu con dễ bị trêu chọc D. Gấu con tinh nghịch

**Câu 9: Tại sao ngoài con sáo, tác giả còn đưa thêm chi tiết “Cả đàn năm con thỏ” cùng nhận xét về “chân vòng kiềng” của gấu con? (9)**

**Câu 10. Tại sao gấu mẹ lại nói với gấu con về chân của mình, chân của gấu bố và khẳng định: “Vòng kiềng giỏi nhất vùng/ Chính là ông nội đấy!”?** *(9)*

**II. VIẾT (4,0 điểm)** Hãy kể lại một trải nghiệm về chuyến thăm quê thú vị của em.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | D | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
| **9** | *HS đưa ra được một vài thông điệp phù hợp với nội dung bài thơ.* | 1,0 |
| **10** | *Gấu mẹ nói như vậy là để cậu thấy rằng không phải một mình cậu như vậy, cả nhà gấu đều giống cậu vì đây là di truyền. Tuy là chân vòng kiềng nhưng ông nội là người giỏi nhất vùng nên gấu con không phải xấu hổ hay tự ti về bản thân.* | 1,0 |
| **II** | **VIẾT** | | **4,0** |
| *a. Đảm bảo cấu trúc của bài văn tự sự* | | 0.25 |
| *b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Kể lại một trải nghiệm của bản thân - chuyến về thăm quê thú vị.* | | 0.25 |
| *c. Kể lại nội dung trải nghiệm.* HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: | |  |
| - Sử dụng ngôi thứ nhất để kể  - Giới thiệu được trải nghiệm  - Các sự việc chính: bắt đầu - diễn biến - kết thúc.  - Cảm xúc và suy nghĩ về trải nghiệm đó. | | 3,0 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | | 0,25 |
|  | *e. Sáng tạo:* Bố cục mạch lạc,cách kể linh hoạt, thể hiện cảm xúc chân thành, trải nghiệm có ý nghĩa sâu sắc. | | 0,25 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ và thơ lục bát | **6** | **0** | **2** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***30*** | ***5*** | ***10*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **35%** | | **25%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ và thơ lục bát | **Nhận biết:**  **-** Nhận biết được thể thơ, số tiếng, số dòng, vần, nhịp của bài thơ lục bát.  - Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm; các biện pháp tu từ ẩn dụ và hoán dụ.  **Thông hiểu**:  - Nêu được chủ đề của bài thơ, cảm xúc chủ đạo của nhân vật trữ tình trong bài thơ.  - Nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.  **Vận dụng:**  - Trình bày được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử được gợi ra từ văn bản. | 6TN | 2TN | 2TL |  |
|  |  |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; sử dụng ngôi kể thứ nhất để chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
|  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** | | |  | **6 TN** | **2TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***35%*** | ***25%*** | ***30%*** | ***10%*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

* **Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc đoạn ngữ liệu sau:**

*“…Bão bùng thân bọc lấy thân*

*Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm*

*Thương nhau tre chẳng ở riêng*

*Lũy thành từ đó mà nên hỡi người*

*Chẳng may thân gãy cành rơi*

*Vẫn nguyên cái gốc truyền đời cho măng*

*Nòi tre đâu chịu mọc cong*

*Chưa lên đã nhọn như chông lạ thường*

*Lưng trần phơi nắng phơi sương*

*Có manh áo cộc tre nhường cho con…”*

*(Trích bài thơ Tre Việt Nam\_ Nguyễn Duy)*

**Chọn đáp án đúng nhất:**

**Câu 1.** Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào?

A. Thơ lục bát

B. Thơ song thất lục bát

C. Thơ tự do

D. Thơ sáu chữ

**Câu 2.** Từ ***bão bùng*** trong câu thơ sau là từ láy đúng hay sai?

*Bão bùng thân bọc lấy thân*

*Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm*

A. Sai B. Đúng

**Câu 3.** Dòng thơ nào thể hiện sự gắn bó, che chở nhau của cây tre?

A. *Thương nhau tre chẳng ở riêng*

*Lũy thành từ đó mà nên hỡi người .*

B. *Chẳng may thân gãy cành rơi*

*Vẫn nguyên cái gốc truyền đời cho măng.*

C. *Bão bùng thân bọc lấy thân*

*Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm .*

D. *Lưng trần phơi nắng phơi sương*

*Có manh áo cộc tre nhường cho con…*

**Câu 4.** Biện pháp tu từ chủ yếu được sử dụng trong đoạn thơ trên ?

A. Ẩn dụ

B. Hoán dụ

C. So sánh

D. Nhân hóa

**Câu 5.** Hình ảnh cây tre: *Lưng trần phơi nắng phơi sương/Có manh áo cộc tre nhường cho con* gợi cho em điều gì?

A. Biểu đạt về sự gian nan, vất vả

B. Biểu đạt về sự hi sinh, nhường nhịn

C. Biểu đạt về sự chịu thương, chịu khó

D. Biểu đạt về sự yêu thương, quý trọng

**Câu 6.** Hai câu thơ sau sử dụng biện pháp tu từ nào?

*Nòi tre đâu chịu mọc cong*

*Chưa lên đã nhọn như chông lạ thường*

A. Ẩn dụ

B. Hoán dụ

C.Nhân hóa

D. So sánh

**Câu 7.** Tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ nhân hóa trong đoạn thơ trên là gì?

A. Bộc lộ niềm tự hào về những phẩm chất, truyền thống cao đẹp của dân tộc Việt Nam.

B. Bộc lộ niềm tự hào về những đức tính, tính cách cao đẹp của dân tộc Việt Nam.

C. Bộc lộ niềm tự hào về những phong tục, tập quán cao đẹp của dân tộc Việt Nam.

D. Bộc lộ niềm tự hào về những di sản văn hóa cao đẹp của dân tộc Việt Nam.

**Câu 8.** Chủ đề của đoạn thơ trên là gì?

A. Tình cảm gia đình

B. Truyền thống văn hóa dân tộc

C. Tình yêu quê hương đất nước

D. Đấu tranh xây dựng đất nước

**Trả lời câu hỏi:**

**Câu 9.** Nêu cảm nghĩ của em về hình ảnh cây tre trong đoạn thơ.

**Câu 10.** Là một học sinh, em rút ra bài học gì về trách nhiệm của bản thân đối với quê hương, đất nước?

**II. VIẾT** (4.0 điểm)

Hãy viết một bài văn kể lại một trải nghiệm giúp tâm hồn em thêm phong phú hơn.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN LỚP 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | D | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
| **9** | - Nêu cảm nghĩ về hình ảnh cây tre. | 1,0 |
| **10** | - Rút ra được bài học về trách nhiệm đối với quê hương, đất nước. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn tư sự.* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  *Kể về một trải nghiệm của bản thân.* | 0,25 |
|  | *c. Kể lại một trải nghiệm của bản thân.*  HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: | 2,5 |
| - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.  - Giới thiệu được trải nghiệm sẽ kể.  - Những sự việc chính trong trải nghiệm: bắt đầu, diễn biến, kết thúc…  - Ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân… |  |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | 0,5 |